

Số: /BC-UBND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Bổ sung, giải trình Báo cáo về “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 18/11/2023, UBND Thành phố có Tờ trình số 456/TTr-UBND và Báo cáo số 429/BC-UBND về “*Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024*” gửi Hội đồng nhân dân Thành phố. Căn cứ báo cáo thẩm tra của các ban HĐND Thành phố, UBND Thành phố báo cáo bổ sung, giải trình một số nội dung như sau:

I. Cập nhật chỉ tiêu tăng trưởng tháng 11 và ước năm 2023

Căn cứ số liệu thống kê¹ về kết quả sản xuất, kinh doanh tháng 11, UBND Thành phố cập nhật một số chỉ tiêu như biểu sau:

Biểu: Cập nhật một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội 11 tháng và cả năm 2023

TT	Chỉ tiêu	11 tháng	ƯTH 2023	Ghi chú
1	Tăng trưởng GRDP, %	-	6,27	Cao hơn đã ước (6,11)
-	Dịch vụ	-	7,26	
-	Thuế sản phẩm	-	3,13	
-	Công nghiệp – xây dựng	-	5,29	
-	Nông nghiệp	-	2,74	
2	Cơ cấu GRDP, %	-	100	
-	Dịch vụ	-	1,97	
-	Thuế sản phẩm	-	10,32	
-	Công nghiệp – xây dựng	-	23,65	
-	Nông nghiệp	-	64,06	
3	GRDP/người, triệu đồng	-	151,1	Cao hơn đã ước (150)
4	Vốn đầu tư phát triển, tỷ đồng	-	505,54	
	Vốn đầu tư phát triển tăng, %	-	9,1	Cao hơn đã ước (9,0)
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp, %	2,9	3,0	Thấp hơn đã ước (4,0)
6	Kim ngạch xuất khẩu, tỷ USD	15,23	16,72	
	Kim ngạch xuất khẩu tăng, %	-2,0	-2,4	Thấp hơn đã ước (tăng 1%)
7	Kim ngạch nhập khẩu, tỷ USD	33,75	37,33	
	Kim ngạch nhập khẩu tăng, %	-9,9	-9,1	
8	Tổng mức bán lẻ & doanh thu dịch vụ tăng, %	10,8	10,4	(Đã ước trên 10%)

¹ Các báo cáo: Số 679/BC-CTK ngày 27/11/2023, số 692/BC-TH ngày 28/11/2023 của Cục Thống kê Hà Nội về tình hình KTXH tháng 11 và 11 tháng năm 2023 và cung cấp số liệu GRDP sơ bộ quý I, II, III, ước quý IV và năm 2023

II. Bổ sung, giải trình theo các báo cáo thẩm tra

1. Ban Kinh tế ngân sách

1.1. Về thu từ sản xuất kinh doanh có xu hướng giảm

Tỷ trọng thu SXKD năm 2019 là 50,78%; năm 2020 giảm còn 45,08% và 2021 là 47,82%; năm 2022 là 47,04%; năm 2023 là 45,64%. Nguyên nhân tỷ trọng thu NSNN từ khu vực SXKD trong tổng thu nội địa có xu hướng giảm chủ yếu do:

- Nguồn thu từ một số khoản thu do Trung ương quản lý (như thu cổ tức, lợi nhuận còn lại; thu chênh lệch thu chi ngân hàng nhà nước; thu khác ngân sách Trung ương) tăng trong các năm gần đây (trong đó, năm 2023, khoản thu chênh lệch thu chi của ngân hàng nhà nước tăng 30.699 tỷ so năm 2022). Năm 2023 có nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước của Thành phố (6.160 tỷ).

- Nếu không tính các khoản thu nêu trên (thu khác NS, thu cổ tức, lợi nhuận còn lại, thu chênh lệch thu chi ngân hàng) thì tỷ trọng thu khu vực SXKD trong phần còn lại tăng, cụ thể: năm 2019 chiếm 59,15%; năm 2020 chiếm 56,73% (giảm do Covid-19); năm 2021 chiếm 61,6%; năm 2022 chiếm 61,37% và 11 tháng năm 2023 chiếm 66,74%.

- Năm 2020, do ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch Covid-19 tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội và đã ảnh hưởng tới thu NSNN khu vực SXKD (chỉ riêng năm 2020, thu NSNN khu vực SXKD giảm so năm trước: 2019 thu 125.816 tỷ, năm 2020 giảm còn 120.256 tỷ; các năm gần đây cơ bản số thu tuyệt đối vẫn tăng).

1.2. Về thu tiền sử dụng đất đạt tỷ lệ thấp

*** Tình hình thu tiền sử dụng đất**

Trong 03 năm từ 2021 đến nay, kết quả thu tiền sử dụng đất trên địa bàn bàn thành phố đều không hoàn thành dự toán cụ thể:

- Năm 2021, Dự toán là 22.700 tỷ đồng, thực hiện là 16.054 tỷ đồng bằng 71% dự toán.

- Năm 2022, Dự toán là 20.000 tỷ đồng, thực hiện là 14.483 tỷ đồng bằng 72% dự toán.

- Năm 2023, Dự toán là 17.000 tỷ đồng, kết quả thực hiện đến 30/11/2023 là 11.376 tỷ đồng bằng 67% dự toán, Ước thực hiện cả năm đạt 13.000 tỷ đồng bằng 76% dự toán.

Như vậy trong 3 năm trở lại đây, kết quả thực hiện dự toán thu tiền sử dụng đất chỉ đạt khoảng 71%-76%.

*** Nguyên nhân của việc kết quả thu tiền sử dụng đất thấp gồm:**

- Về tình hình kinh tế xã hội: Trong giai đoạn 3 năm 2021-2023 là giai đoạn kinh tế thế giới cũng như kinh tế trong nước biến động do bị ảnh hưởng nhiều do dịch bệnh, lạm phát, thị trường tài chính, cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine. Điều này tác động tiêu cực đến thị trường bất động sản của cả nước cũng như của Hà Nội, tình hình thị trường bất động sản 3 năm đều trầm lắng.

- Về thu tiền sử dụng đất với các dự án:

- + Do tình hình kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng nên trong giai đoạn 3 năm vừa qua, số lượng dự án được giao đất mới thấp. Đồng thời công tác xác

định giá đất cụ thể gặp nhiều khó khăn do vướng mắc, bất cập về chính sách. Nhiều đơn vị tư vấn từ chối tham gia xác định giá cụ thể do tâm lý e ngại trách nhiệm trong công tác xác định giá. Dẫn đến số thu tiền sử dụng đất từ dự án đất thấp.

+ Khó khăn xác định giá thu tiền SDD các dự án được giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Vướng mắc chủ yếu là các dự án được giao đất từ nhiều năm (bao gồm cả các trường hợp giao đất theo Luật đất đai 2003) đến nay chưa hoàn thành xác định NVTC do có vướng mắc liên quan đến các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, giải phóng mặt bằng, giao đất,... Các vướng mắc này liên quan đến chính sách pháp luật các chuyên ngành khác nhau, quá trình rà soát, xử lý mất nhiều thời gian.

- Về thu tiền sử dụng đất từ đấu giá: Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu sử dụng đất (từ 60%-80%). Như trong 3 năm vừa qua, công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố gặp rất nhiều khó khăn:

+ Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải thực hiện bổ sung thủ tục hành chính (chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án trên 2ha phải dành quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội) theo quy định mới tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 và Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, dẫn đến nhiều dự án đấu giá phải thực hiện thiết lập lại hồ sơ về quy hoạch, thủ tục đầu tư theo quy định.

+ Giá khởi điểm đấu giá (có giá trị trong 12 tháng) nhiều khi đang cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường trong khi việc giảm giá khởi điểm là khó vì khi xác định giá khởi điểm để đấu giá thì tài sản so sánh lại là các thửa đất trúng đấu giá cao. Vì vậy có trường hợp các quận, huyện thị xã tổ chức đấu giá nhưng không có người mua hồ sơ. Nhiều trường hợp sau khi trúng đấu giá thì người trúng đấu giá không thực hiện nộp tiền sử dụng đất dẫn đến phải hủy kết quả.

+ Đối với dự án điều chỉnh quy hoạch: Không có quy định về việc điều chỉnh quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá khi điều chỉnh quy hoạch xây dựng sau khi trúng đấu giá; khó khăn trong việc xác định và thu NVTC bổ sung do điều chỉnh quy hoạch.

- Khó khăn trong tạo lập quỹ đất sạch để đấu giá: Công tác bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất chưa được đồng thuận; Việc xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận 2 bên tuyến đường để đấu giá quyền sử dụng đất còn khó khăn...

- Ghi thu – ghi chi tiền sử dụng đất của dự án BT. Trong 3 năm vừa qua, trên địa bàn thành phố không thực hiện được ghi thu- ghi chi tiền sử dụng đất của dự án BT nên không có có nguồn khu bù đắp cho hụt thu từ đấu giá và dự án.

1.3. Về số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất thấp so với kế hoạch và công tác đấu giá đất các tháng đầu năm 2023

a) Về khó khăn vướng mắc

**** Khó khăn về chính sách:***

(1) Khó khăn về giá khởi điểm: Trong 06 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn Thành phố có 29 phiên đấu giá không thành (nguyên nhân do thị trường bất động sản trầm lắng, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thực tế đang cao hơn giá thị trường)

+ Hiện nay không có quy định cụ thể về việc điều chỉnh giảm giá khởi điểm đối với các trường hợp đấu giá không thành hoặc không có người đăng ký tham gia đấu

giá (Chính phủ chỉ có quy định về các trường hợp điều chỉnh Bảng giá đất tại Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014);

+ Hiệu lực giá khởi điểm là 12 tháng (kể từ ngày ký). Như vậy, sau 12 tháng sẽ thực hiện phê duyệt lại giá khởi điểm; tuy nhiên, do tài sản so sánh (được thu thập của 03 thửa đất đã chuyển nhượng thành công trong khoảng thời gian 2 năm đến thời điểm xác định giá), dẫn đến cơ sở để điều chỉnh giảm giá khởi điểm là rất khó khăn (do giữ liệu đầu vào để tính giá gần như không thay đổi).

(2) Theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì Quỹ phát triển đất được sử dụng để ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất, theo đó các đối tượng được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất không bao gồm các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Việc ứng vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phải được hoàn trả sau khi thực hiện xong đầu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất từ đầu giá quyền sử dụng đất được nộp vào Ngân sách Nhà nước qua kho bạc; không có cơ chế hoàn trả cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (vướng mắc theo Luật Đất đai 2013; Luật Ngân sách Nhà nước 2015).

(3) Về nộp tiền trúng đầu giá:

+ Theo quy định tại Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND: Các đơn vị tổ chức thực hiện đầu giá được chủ động xác định, đề xuất thời hạn thu tiền sử dụng đất, nhưng không được quá 90 ngày.

+ Theo Nghị định số 10/2023/NĐ-CP (có hiệu lực từ 20/5/2023): Hủy quyết định công nhận kết quả trúng đầu giá trong trường hợp người trúng đầu giá không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền trúng đầu giá quyền sử dụng đất (trong vòng 120 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đầu giá).

Như vậy, để đảm bảo nguồn thu trong năm các đơn vị được giao thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất phải hoàn thành việc tổ chức đầu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đầu giá trước tháng 8 hàng năm; hơn nữa thời gian để tiếp tục đưa các khu đất (bị hủy quyết định công nhận kết quả) vào đầu giá bị chậm hơn so với các quy định trước đây.

(4) Đầu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải thực hiện bổ sung thủ tục hành chính (chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án trên 2ha phải dành quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội) theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 và Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, dẫn đến nhiều dự án đầu giá quyền sử dụng đất phải thực hiện thiết lập lại hồ sơ về quy hoạch, thủ tục đầu tư theo quy định; mặt khác, một số dự án phải bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội, nhưng theo quy hoạch đã được duyệt thì chỉ được xây dựng nhà ở thấp tầng không phù hợp với mục tiêu của nhà ở xã hội hoặc dẫn tới sẽ phát sinh quỹ đất dành để xây dựng nhà ở xã hội có diện tích nhỏ, manh mún, bất cập khi thực hiện.

** Khó khăn về tạo lập quỹ đất:*

(1) Quy định của pháp luật hiện hành, không được lập dự án GPMB (không có cầu phân đầu tư xây dựng) tạo quỹ đất để đầu giá quyền sử dụng đất.

(2) Công tác bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất ở nhiều địa phương còn chưa thực sự nhận được sự đồng thuận cao của người dân bị thu hồi đất; do Luật Đất đai 2013 (Điều 62) không có quy định rõ về trường hợp thu hồi đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất (Nội dung này đã được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)).

(3) Việc xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận 2 bên tuyến đường để đầu tư giá quyền sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn từ khâu lập quy hoạch; lập dự án đầu tư, bố trí kinh phí GPMB và triển khai thực hiện.

(4) Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa bị kéo dài thời gian do thay đổi trình tự thực hiện (đa số các dự án đầu tư phải thực hiện) theo quy định của Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ (phải nộp tiền bảo vệ đất lúa, đánh giá tác động môi trường trước khi trình HĐND Thành phố hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận).

** Khó khăn trong quá trình thực hiện:*

Trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn một số vướng mắc khó khăn, từ khâu thiết lập hồ sơ đầu tư giá đến chuẩn bị các thủ tục thực hiện đầu tư giá theo quy định, cụ thể như sau:

(1) Thời gian qua, một số địa phương đã để xảy ra sai phạm hình sự liên quan đến đầu tư giá quyền sử dụng đất, do lo sợ vướng mắc vào các vấn đề pháp lý dẫn đến nhiều đơn vị tư vấn từ chối tham gia xác định giá khởi điểm hoặc thực hiện các thủ tục chậm, cụ thể như chậm lập chứng thư xác định giá khởi điểm chậm dẫn đến chậm việc thẩm định, quyết định phê duyệt giá khởi điểm.

(2) Điều chỉnh quy hoạch sau đầu tư giá: Theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Điều 10 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc tính thu nghĩa vụ tài chính đối với các trường hợp điều chỉnh quy hoạch sau khi trúng đầu tư giá. Tuy nhiên, không có quy định về việc điều chỉnh quyết định công nhận kết quả trúng đầu tư giá khi điều chỉnh quy hoạch xây dựng sau khi trúng đầu tư giá; khó khăn trong việc xác định và thu nghĩa vụ tài chính bổ sung do điều chỉnh quy hoạch.

(3) Một số dự án có quy mô diện tích trên 02ha đã được giao đất và tổ chức đầu tư giá quyền sử dụng đất trên 70% diện tích; còn một số ô đất trước đây quy hoạch là nhà ở cao tầng (5 – 6 tầng), nay đủ điều kiện điều chỉnh từ xây dựng nhà cao tầng sang thấp tầng; tuy nhiên, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ không có quy định chuyển tiếp (về việc bố trí quỹ đất dành để xây dựng nhà ở xã hội) đối với các trường hợp này, gây khó khăn trong việc thực hiện.

b) Nguyên nhân

** Nguyên nhân khách quan:*

(1) Pháp luật về đầu tư, đầu tư giá tài sản, đất đai còn nhiều nội dung chưa quy định cụ thể; chưa đồng bộ, thống nhất, khó khăn trong thực hiện.

(2) Thị trường bất động sản hiện nay sụt giảm, không còn là kênh đầu tư hấp dẫn (nhiều quận, huyện, thị xã tổ chức không thành).

(3) Hiện nay, các Công ty tư vấn thẩm định giá e ngại hoặc từ chối tham gia xác định giá đất (khởi điểm) vì sợ rủi ro liên quan đến pháp luật.

(4) Phương pháp xác định giá cụ thể (giá khởi điểm đấu giá) phải thu thập nhiều thông tin tài sản so sánh. Tuy nhiên thị trường giao dịch bất động sản chưa minh bạch, giao dịch bất động sản không quy định phải qua ngân hàng và chưa có quy định cụ thể về quản lý giá chuyển nhượng bất động sản, nên giá giao dịch thực chưa thể hiện đầy đủ tại các hợp đồng mua bán. Nhiều loại đất, khu vực không có thông tin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc điều chỉnh sự khác biệt giữa tài sản so sánh, nhiều chỉ tiêu tính toán chi phí phát triển chưa được hướng dẫn chi tiết cụ thể...

** Nguyên nhân chủ quan:*

(1) Công tác kiểm tra, giám sát từ khâu thiết lập hồ sơ, thủ tục, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm còn hạn chế.

(2) Việc đề xuất, thẩm định, phê duyệt về quy hoạch, chấp thuận chủ trương đầu tư, giao đất, xác định giá khởi điểm, có dự án, có đơn vị còn chưa chủ động, chuyên nghiệp, quyết liệt, cải cách thủ tục hành chính.

c) Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Để khắc phục những khó khăn, tồn tại nêu trên, UBND Thành phố chỉ đạo các sở, ngành, UBND các quận huyện thị xã tập trung vào các giải pháp cụ thể như sau:

(1) Về công tác tuyên truyền: Giao UBND các quận, huyện, thị xã và các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác tuyên truyền về đấu giá quyền sử dụng đất; nâng cao tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong đấu giá quyền sử dụng đất.

Tiếp tục thực hiện tốt Công điện số 1767/CD-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ có về tình hình thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; văn bản số 2015/VPCP-PL ngày 01/4/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát pháp luật về đấu giá tài sản; văn bản số 413/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 20/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; văn bản số 5370/BXD-QLN ngày 24/12/2021 của Bộ Xây dựng về việc đánh giá và rà soát nguy cơ xảy ra bong bóng bất động sản và tăng cường công tác quản lý tình hình thị trường bất động sản.

(2) Về tập trung hoàn thiện thủ tục đấu giá:

- UBND các quận, huyện, thị xã:

+ Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục về đấu giá quyền sử dụng đất đối với quỹ đất đã đủ điều kiện; ưu tiên đấu giá các khu đất tại các vị trí có lợi thế, có giá trị quyền sử dụng đất cao nhằm thúc đẩy tăng thu ngân sách từ đấu giá.

+ Thực hiện đầy đủ, đúng quy trình tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và Thành phố, trong đó: Tăng cường công khai niêm yết việc đấu giá tài sản, thông báo công khai việc đấu giá tài sản; hồ sơ, cách thức đăng ký tham gia đấu giá và khuyến khích tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo hình thức trực tuyến.

+ Chủ động phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc thống nhất vị trí, ranh giới, khoanh vùng diện tích đất dành để phát triển nhà ở xã hội theo đúng quy định tại

Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố; trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại theo quy định (thực hiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 260/TB-VP ngày 05/6/2023).

+ Chủ động đề xuất UBND Thành phố cho phép thực hiện các thủ tục điều chỉnh phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho “đối tượng tham gia là tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư” sang “đối tượng tham gia là hộ gia đình, cá nhân” trong trường hợp đã tổ chức đấu giá không thành hoặc mời đấu giá từ 02 lần trở lên nhưng không có người tham gia, đảm bảo phù hợp với nhu cầu của thị trường; sớm đưa đất vào sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

+ Khẩn trương phối hợp với Cơ quan Thuế hoàn thành việc thu tiền trúng đấu giá; hủy kết quả trúng đấu giá đối với các cá nhân, tổ chức trúng đấu giá không nộp tiền đủ và đúng thời hạn theo quy định.

- Giao các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác hướng dẫn các đơn vị hoàn thành các thủ tục về chấp thuận chủ trương đầu tư; phê duyệt phương án đấu giá, quyết định đấu giá đối với các trường hợp đấu giá thực hiện dự án.

(3) Về giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất:

- UBND quận, huyện, thị xã chủ động, khẩn trương trong công tác xây dựng giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất theo ủy quyền của UBND Thành phố tại Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 04/7/2023.

- Điều chỉnh tăng đơn giá thuê đơn vị tư vấn thực hiện xác định giá đất cụ thể (trong đó có giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất).

- Cải cách, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho đối tượng tham gia là tổ chức để thực hiện dự án đầu tư.

- UBND quận, huyện, thị xã rà soát, khẩn trương có báo cáo, kiến nghị đối với từng trường hợp đấu giá không thành hoặc không có người đăng ký tham gia do giá khởi điểm cao (trong đó khảo sát, đánh giá và có dẫn chứng cụ thể, đảm bảo đủ căn cứ pháp lý để xem xét) để rà soát, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan để thống nhất đề xuất UBND Thành phố xem xét, quyết định.

(4) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật trong tổ chức đấu giá, đưa tài sản ra đấu giá, tổ chức xác định giá khởi điểm tài sản đấu giá và tổ chức thẩm định giá; xử lý nghiêm theo quy định đối với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý tài sản, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định về đấu giá tài sản và thẩm định giá.

(5) Khẩn trương tập trung hoàn thiện các quy định về đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo phù hợp và thống nhất với các quy định tại Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Xây dựng quy trình tổ chức thực hiện thí điểm việc đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến trên địa bàn Thành phố.

(6) Đôn đốc các quận, huyện, thị xã thu tiền trúng đấu giá vào ngân sách theo đúng tiến độ, phương án đấu giá được duyệt; đối với các trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá theo đúng thời hạn, thực hiện thủ tục hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá theo quy định.

(7) Tập trung GPMB các dự án đấu giá quyền sử dụng đất:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; đẩy mạnh vận động, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về đất đai, bồi thường và hỗ trợ, tái định cư.

- Bố trí đầy đủ nguồn vốn GPMB, xây dựng HTKT.

- Thực hiện đầy đủ quy trình công khai, minh bạch nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thắc mắc, khiếu kiện của người có đất bị thu hồi đất.

- Nội dung vướng mắc về xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương, tổ chức công khai lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị, xã hội địa phương; xác nhận làm căn cứ lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

- Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc, đề xuất hướng xử lý, giải quyết đúng theo yêu cầu, vướng mắc chỗ nào giải quyết chỗ đó, bám sát các quy định, những trường hợp tương tự Thành phố đã tháo gỡ để đề xuất.

(8) Việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo đúng phương án đấu giá, quy hoạch được duyệt; hạn chế thấp nhất việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng các dự án sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất, tránh những vướng mắc từ pháp lý phát sinh và các thủ tục liên quan sau này.

1.4. Về việc lập và phân bổ dự toán chi sự nghiệp, chi đầu tư XD CB chưa sát với khả năng thực hiện

Căn cứ chỉ thị của Thủ Tướng Chính phủ, hướng dẫn xây dựng dự toán của Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố giao Sở Tài chính, Sở kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức và các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao, lập dự toán, Kế hoạch đầu tư công hàng năm; tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do nhiều lý do khách quan, chủ quan, các đơn vị không thực hiện hết dự toán được giao và không giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công. Do đó, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, UBND Thành phố chỉ đạo các đơn vị rà soát điều hòa, điều chỉnh dự toán các nội dung đã được giao đảm bảo khả năng thực hiện. Tuy vậy, vẫn còn tình trạng các đơn vị chưa lường hết khả năng thực hiện nên không đề nghị điều chỉnh giảm dự toán không có khả năng thực hiện hết dẫn đến cuối năm còn hủy nhiều dự toán. UBND Thành phố sẽ chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc rà soát điều hòa, điều chỉnh dự toán hàng năm, tránh tình trạng không thực hiện hết dự toán, hủy dự toán lớn. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước HĐND Thành phố và UBND Thành phố về việc không hoàn thành nhiệm vụ thực hiện dự toán hàng năm.

1.5. Về các chỉ tiêu không đạt kế hoạch

a) GRDP ước tăng 6,27% - không đạt kế hoạch đề ra 7,0%, cụ thể các ngành, lĩnh vực như sau:

Biểu 01: Tăng trưởng GRDP của thành phố Hà Nội

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	U' TH 2023	Ghi chú
Tăng trưởng GRDP, %	8,95	7,0	6,27	Không đạt KH
- Dịch vụ	10,28	7,1	7,26	Vượt KH
- Thuế sản phẩm	5,35	4,6	3,13	Không đạt KH
- Công nghiệp, xây dựng	7,55	8,1	5,29	Không đạt KH
+ Công nghiệp	-	7,5	4,57	Không đạt KH
+ Xây dựng	-	9,2	6,49	Không đạt KH
- Nông nghiệp	2,70	2,5	2,74	Vượt KH

GRDP là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh kết quả sản xuất cuối cùng của một vùng, lãnh thổ. Nhìn từ các góc độ khác nhau, tăng trưởng GRDP không đạt kế hoạch do:

- Theo ngành kinh tế: Các ngành công nghiệp, xây dựng và thuế sản phẩm tăng trưởng không đạt kế hoạch; mức tăng thấp mà các ngành khác là dịch vụ, nông nghiệp không thể bù đắp được nên tính chung tăng trưởng GRDP không đạt KH.

- Theo các thành phần của GRDP: Vốn đầu tư phát triển tăng thấp (9,1%) không đạt kế hoạch; xuất khẩu giảm 2,4%.

b) Vốn đầu tư phát triển tăng 9,1% - không đạt kế hoạch là 10,5%. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Thu hút đầu tư ngoài ngân sách gặp khó khăn;
- Giải ngân đầu tư công chậm;
- Doanh nghiệp gặp khó khăn;
- Hạ tầng phục vụ mặt bằng sản xuất, kinh doanh thiếu; thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc...);

c) Xuất khẩu giảm 2,4% - kế hoạch là tăng 6%

Luỹ kế 11 tháng, có 9/13 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm; Nhóm này có tỷ trọng 62,12% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 9,92%. Một số hàng hoá giảm khá mạnh như: Dệt may giảm 19,4% (tỷ trọng 12,42%); gỗ và sản phẩm từ gỗ giảm 12,6% (tỷ trọng 4,59%); giày dép và sản phẩm từ da giảm 30,4% (tỷ trọng 2,26%)...

Có 4 nhóm hàng tăng đã bù đắp để tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng chỉ giảm 2% là: Phương tiện vận tải và phụ tùng, tỷ trọng 11,59%, kim ngạch tăng 25,7%; Máy móc thiết bị phụ tùng, tỷ trọng 12,43%, kim ngạch tăng 3,1%; Xăng dầu, tỷ trọng 8,23%, kim ngạch tăng 5,7%; tỷ trọng 11,59%, kim ngạch tăng 25,7%; gạo, tỷ trọng 2,53%, kim ngạch tăng 40,1%.

* Nguyên nhân khách quan:

- Suy giảm kim ngạch xuất, nhập khẩu có nguyên nhân trực tiếp do kinh tế thế giới suy giảm, nhu cầu của thị trường thế giới bị thu hẹp, nhất là các thị trường chiếm tỷ trọng lớn như Châu Âu và Mỹ.

- Khủng hoảng an ninh lương thực, an ninh năng lượng toàn cầu khiến giá các mặt hàng này tăng cao, người tiêu dùng các nước tập trung nguồn lực đảm bảo chi dùng các mặt hàng thiết yếu nói trên, không ưu tiên chi tiêu cho các hàng hóa không thiết yếu khác như quần áo, giày dép, đồ gỗ (giảm 2 chữ số trong nhiều tháng qua).

- Trung Quốc mở cửa trở lại từ đầu năm 2023 tạo nhiều áp lực cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu cùng chủng loại của Việt Nam (dệt may, da giày, điện tử...).

- Một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Hà Nội gặp khó khăn:

+ Ngành dệt may: Theo Hiệp hội Dệt may, tổng cầu tiêu dùng thế giới năm 2023 giảm khoảng 5% so với năm 2022 do sức mua giảm; mặt khác hàng dệt may Việt Nam đang bị cạnh tranh mạnh của hàng dệt may Bangladesh với mức giá thấp hơn.

+ Ngành gỗ: Giá nguyên liệu nhập khẩu có xu hướng tăng và sức mua giảm nên doanh nghiệp Việt Nam phải chuyển đổi sang dùng nguyên liệu trong nước và chấp nhận những đơn hàng quy mô nhỏ.

- Sức mua thế giới giảm khiến xuất khẩu của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Hà Nội (chiếm tỷ trọng 42,9%) giảm từ đầu năm 2023 đến nay ở mức gần 10%; những lợi thế về công nghệ, thị trường đầu ra và những mối quan hệ đối tác toàn cầu của khối doanh nghiệp này không còn được phát huy như trước. Mức suy giảm cao của thành phần kinh tế này khiến sự phục hồi xuất khẩu của thành phần kinh tế trong nước trong nửa cuối năm (tăng 4,7% trong 11 tháng đầu năm) không đủ bù đắp.

- Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, xuất khẩu sang thị trường ASEAN giảm (-8,3%) do lạm phát ở nhiều nước trong khu vực như Philippines, Singapore, Myanmar và Lào ở mức cao làm giảm sức mua; ngoài ra căng thẳng kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc có ảnh hưởng xấu đối với triển vọng tăng trưởng cho khu vực ASEAN+3.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Chủ yếu do hàng xuất khẩu chưa được cơ cấu theo kịp nhu cầu của thị trường, nhất là nhóm hàng dệt may, giày dép và sản phẩm từ da... Một số doanh nghiệp chưa kịp thời đầu tư thay đổi công nghệ sản xuất theo yêu cầu của các thị trường có yêu cầu cao như Mỹ và EU. Theo đánh giá của Bộ Công Thương, Hoa Kỳ và EU đang áp dụng quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng, nguyên liệu, lao động, môi trường đối với các sản phẩm nhập khẩu để tạo hàng rào nhập khẩu. Điều đó gây tác động xấu nặng nề hơn tới sự suy giảm kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường này. Đây là 2 thị trường xuất khẩu của Hà Nội có kim ngạch giảm mạnh trong 11 tháng đầu năm 2023 (Mỹ giảm 15,9%, EU giảm 19,9%).

- Việc chuyển hướng sang các thị trường mới, tiềm năng đạt tăng trưởng khá cao (16,9%) của các doanh nghiệp Hà Nội không đủ bù đắp cho mức suy giảm của nhiều thị trường truyền thống (Mỹ, EU, ASEAN, Nhật Bản).

d) Tỷ lệ cụm công nghiệp (CCN) có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (38/40 CCN, 95%) - không đạt kế hoạch (100%), còn 02 trạm xử lý chưa hoàn thành là:

- CCN Thanh Thùy (Thanh Oai) đã tổ chức khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhưng chưa hoàn thành. Lý do, phần diện tích 875m² để xây dựng trạm xử lý nước thải tại Lô B của giai đoạn 1 (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Oai làm chủ đầu tư), hiện chưa được giao đất để Chủ đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải. Chủ đầu tư CCN Thanh Thùy giai đoạn 2 (Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long), Sở Công Thương đang tích cực phối hợp với Sở Tài nguyên và

Môi trường, UBND huyện Thanh Oai để tháo gỡ khó khăn trong việc giao đất, hoàn thành xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung CCN Thanh thùy giai đoạn 1 và 2.

- CCN Chàng Sơn (Thạch Thất) sẽ đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải cho cả hai giai đoạn (gắn với CCN Chàng Sơn gđ2); Hiện nay, chủ đầu tư đang phối hợp với UBND huyện Thạch Thất thực hiện giải phóng mặt bằng (đã được 85% diện tích), dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 12 năm 2023 và tổ chức khởi công xây dựng, hoàn thành trong năm 2024.

1.6. Về tỷ lệ doanh nghiệp rời thị trường có xu hướng tăng

Số doanh nghiệp thành lập mới giai đoạn 2018-2022 bình quân tăng 3,54% (trong đó năm 2020 và 2021 giảm do ảnh hưởng COVID-19), 11 tháng đầu năm 2023 tăng 5,5%; doanh nghiệp quay lại hoạt động bình quân tăng 22,63% (trong đó năm 2021 tăng 59,32%; năm 2022 tăng thấp 0,66%), 11 tháng đầu năm 2023 giảm 12,6%.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động giai đoạn 2018-2022 bình quân tăng 27,79%; 11 tháng đầu năm 2023 tăng 21,9%. Doanh nghiệp giải thể bình quân tăng 22,81%; 11 tháng đầu năm 2023 tăng 1,7%.

Bình quân giai đoạn 2018-2022, số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại hoạt động tăng 6,77%; số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và giải thể tăng 26,8%.

Tỷ lệ số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và giải thể trên tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại hoạt động có xu hướng tăng từ 28% (năm 2018) lên 60% (11 tháng năm 2023; xem biểu sau).

Biểu 02: Doanh nghiệp rời thị trường có xu hướng tăng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	11T.2023
- DN thành lập mới	25.187	27.114	26.578	24.213	29.191	29.123
Tăng so năm trước, %	2,65	7,65	-1,98	-8,90	20,56	5,5%
- DN quay lại hoạt động	3.478	5.217	6.062	9.658	9.722	8.046
Tăng so năm trước, %	-0,80	50,00	16,20	59,32	0,66	-12,6%
- DN tạm ngừng hoạt động	6.256	7.387	10.201	11.858	16.361	19.071
Tăng so năm trước, %	30,31	18,08	38,09	16,24	37,97	21,9%
- DN giải thể	1.720	2.130	2.523	3.104	3.612	3.336
Tăng so năm trước, %	33,02	23,84	18,45	23,03	16,37	1,7%
- DN tạm ngừng hoạt động + giải thể/ DN thành lập mới + quay lại hoạt động	28%	29%	39%	44%	51%	60%

1.7. Về 08/23 ngành sản xuất công nghiệp giảm

Lũy kế 11 tháng năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,4%; sản xuất và phân phối điện tăng 7%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 5,3%; công nghiệp khai khoáng giảm 7%.

Bên cạnh một số ngành chế biến, chế tạo tăng khá, có một số ngành có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ như: Sản xuất máy móc, thiết bị giảm 19,9%; sản xuất trang phục giảm 3,5%; sản xuất da và sản phẩm liên quan giảm 2,2%; sản xuất kim loại giảm 1,8%; sản xuất thiết bị điện giảm 1,7%; sản xuất điện tử, máy vi tính giảm 1,5%...

* Nguyên nhân khách quan:

- Thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, tác động đến các ngành sản xuất thép, vật liệu xây dựng.

- Kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, áp lực lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng còn ở mức cao; nhu cầu tiêu dùng và các hoạt động kinh tế tiếp tục suy giảm; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt hơn, kéo theo sự tham gia của nhiều quốc gia, khu vực; chính sách tiền tệ thắt chặt tiếp tục tác động tới doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế, đầu tư, tiêu dùng toàn cầu; kinh tế Trung Quốc phục hồi chưa bền vững. Những yếu tố trên làm suy giảm sức mua của thị trường thế giới, tác động đến hoạt động sản xuất công nghiệp trong nước.

- Khủng hoảng an ninh lương thực, an ninh năng lượng toàn cầu khiến giá các mặt hàng này tăng cao, người tiêu dùng các nước tập trung nguồn lực đảm bảo chi dùng các mặt hàng thiết yếu nói trên, không ưu tiên chi tiêu cho các hàng hóa không thiết yếu khác như quần áo, giày dép, đồ gỗ (giảm 2 chữ số trong nhiều tháng qua).

- Trung Quốc mở cửa trở lại từ đầu năm 2023 tạo nhiều áp lực cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu cùng chủng loại của Việt Nam (dệt may, da giày, điện tử...), ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất công nghiệp.

- Thị trường đầu ra của một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Hà Nội gặp khó khăn, dẫn đến suy giảm tăng trưởng sản xuất công nghiệp:

+ Ngành dệt may: Theo Hiệp hội Dệt may, tổng cầu tiêu dùng thế giới năm 2023 giảm khoảng 5% so với năm 2022 do sức mua giảm; mặt khác hàng dệt may Việt Nam đang bị cạnh tranh mạnh của hàng dệt may Bangladesh với mức giá thấp hơn.

+ Ngành gỗ: Giá nguyên liệu nhập khẩu có xu hướng tăng và sức mua giảm nên doanh nghiệp Việt Nam phải chuyển đổi sang dùng nguyên liệu trong nước và chấp nhận những đơn hàng quy mô nhỏ.

- Sức mua thế giới giảm khiến xuất khẩu của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Hà Nội (chiếm tỷ trọng 42,9%) giảm từ đầu năm 2023 đến nay ở mức gần 10%; những lợi thế về công nghệ, thị trường đầu ra và những mối quan hệ đối tác toàn cầu của khối doanh nghiệp này không còn được phát huy như trước. Mức suy giảm cao của thành phần kinh tế này khiến sự phục hồi xuất khẩu của thành phần kinh tế trong nước trong nửa cuối năm (tăng 4,7% trong 11 tháng đầu năm) không đủ bù đắp.

- Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, xuất khẩu sang thị trường ASEAN giảm (-8,3%) do lạm phát ở nhiều nước trong khu vực như Philippines, Singapore, Myanmar và Lào ở mức cao làm giảm sức mua; ngoài ra căng thẳng kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc có ảnh hưởng xấu đối với triển vọng tăng trưởng cho khu vực ASEAN+3.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Việc bất cập trong các văn bản pháp lý về lĩnh vực đầu tư liên quan đến việc thành lập mới; triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp đã được thành lập làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp.

- Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp lĩnh vực sản xuất trang phục, da giày, máy móc thiết bị... chủ yếu là quy mô nhỏ, khả năng sản xuất, năng lực cạnh tranh còn hạn chế.

- Một số doanh nghiệp chưa kịp thời đầu tư thay đổi công nghệ sản xuất theo yêu cầu của các thị trường có yêu cầu cao như Mỹ và EU. Theo đánh giá của Bộ Công Thương, Hoa Kỳ và EU đang áp dụng quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng, nguyên liệu, lao động, môi trường đối với các sản phẩm nhập khẩu để tạo hàng rào nhập khẩu. Điều đó gây tác động xấu nặng nề hơn tới sự suy giảm kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường này. Đây là 2 thị trường xuất khẩu của Hà Nội có kim ngạch giảm mạnh trong 11 tháng đầu năm 2023 (Mỹ giảm 15,9%, EU giảm 19,9%).

- Việc chuyển hướng sang các thị trường mới, tiềm năng đạt tăng trưởng khá cao (16,9%) của các doanh nghiệp Hà Nội không đủ bù đắp cho mức suy giảm của nhiều thị trường truyền thống (Mỹ, EU, ASEAN, Nhật Bản).

- Đơn giá sản xuất của doanh nghiệp thấp, doanh nghiệp phải nhận cả đơn hàng nhỏ, không phải thế mạnh để sản xuất, mục tiêu là giữ việc làm cho người lao động, thậm chí chịu lỗ dẫn đến năng suất, hiệu quả không cao, phải cắt giảm lao động.

** Một số giải pháp tiếp tục triển khai nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, xuất nhập khẩu năm 2024*

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/6/2023 về tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp...; Văn bản số 2747/UBND-KTN ngày 28/8/2023 chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp những tháng cuối năm 2023 gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và các Nghị quyết, Công điện của Chính Phủ có liên quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh Cải cách hành chính, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho các địa phương; Ban hành các TTHC liên thông, quy trình liên thông để đưa về một cửa, một đầu mối tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp...

- Chỉ đạo Sở, ngành, các địa phương, các hội, hiệp hội doanh nghiệp tăng cường triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp về đất đai, vốn, thị trường, lao động, đầu tư, logistic, hàng tồn kho lớn, các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành có chỉ số IIP giảm...; tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia có hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, xuất khẩu, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu gắn nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, với thực hiện chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, khuyến mại tập trung, kích cầu tiêu dùng, khuyến công, ... góp phần thúc đẩy tăng trưởng sản xuất công nghiệp, thương mại, xuất khẩu, trong đó chú trọng các doanh nghiệp thuộc có chỉ số IIP sụt giảm trong thời gian qua.

- Tiếp tục triển khai, phát huy hiệu quả các chương trình, Kế hoạch nhằm phát triển thị trường nội địa nhằm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất: Kế hoạch bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn thành phố Hà Nội; Kế hoạch kích cầu tiêu dùng; Kế hoạch thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Phát triển Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với các địa điểm kinh doanh, du lịch làng nghề, du lịch nông thôn; Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu, cụm công nghiệp... góp phần cân đối cung - cầu hàng hóa trên địa bàn Thủ đô.

1.8. Về thực hiện chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế chưa hiệu quả

Thực hiện chính sách giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với đơn vị đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp, đã tiếp nhận 3.691 hồ sơ với tổng số tiền đề nghị giảm là 1.113,61 tỷ đồng; đã ban hành 2.615 quyết định giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022 với tổng số tiền được giảm là 756,61 tỷ đồng (cả nước giảm 3,46 nghìn tỷ đồng).

Ngân hàng nhà nước đã thực hiện 4 lần điều chỉnh giảm liên tục mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới đã giảm; đồng thời thực hiện chương trình hỗ trợ lãi suất 2%; đến tháng 10/2023, doanh số hỗ trợ lãi suất của các Ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn Thành phố đạt 36.577,4 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt 14.105,8 tỷ đồng, số tiền đã hỗ trợ cho khách hàng lũy kế từ đầu Chương trình (20/5/2022) đạt 140,73 tỷ đồng cho 310 khách hàng (cả nước đạt 681 tỷ đồng, bằng 1,7% nguồn lực bố trí²). Theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), có đến 55,6% doanh nghiệp cho biết khó khăn lớn nhất của họ là tiếp cận tín dụng; chỉ 29,53% doanh nghiệp được khảo sát đã biết về chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính; 1,99% doanh nghiệp đã được nhận hỗ trợ và 56,67% doanh nghiệp cho biết đã gặp khó khăn khi tiếp cận khoản vay theo gói hỗ trợ.

- Các nguyên nhân từ phía doanh nghiệp có thể kể đến:

+ Đối với các doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, khó tách phần chi phí được hỗ trợ;

+ Phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, quy mô vốn, vốn chủ sở hữu, năng lực tài chính, trình độ quản trị hạn chế; thiếu phương án kinh doanh khả thi; số liệu tài chính thiếu minh bạch, chính xác; thiếu tài sản bảo đảm; chứng từ kế toán không đáp ứng các chuẩn mực theo quy định nên khó thỏa mãn các điều kiện cấp tín dụng.

+ Sau dịch bệnh COVID -19 nhiều doanh nghiệp có kết quả kinh doanh giảm mạnh, đã không đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất.

+ Doanh nghiệp đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất nhưng chọn không vay do ngại bị thanh, kiểm tra; doanh nghiệp cân nhắc giữa lợi ích từ việc được hỗ trợ lãi suất và chi phí phát sinh nếu nhận hỗ trợ, như phải theo dõi chứng từ, tuân thủ các thủ tục hậu kiểm, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

+ Doanh nghiệp có khả năng trả nợ nhưng khó khăn định có khả năng phục hồi hay không; có doanh nghiệp đạt doanh thu, lợi nhuận cao trong giai đoạn dịch bệnh nhưng kinh tế hiện khó khăn nên khó đánh giá đáp ứng tiêu chí "phục hồi".

- Các nguyên nhân từ cơ chế, chính sách:

+ UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3963/QĐ-UBND ngày 08/8/2023, trong đó dừng thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố.

² <https://nhandan.vn/goi-ho-tro-lai-suat-2-moi-chi-thuc-hien-duoc-681-ty-dong-post772300.html>

+ Một số khoản định mức chi theo quy định hiện hành thấp so với giá thị trường nên gặp nhiều khó khăn trong việc mời các giảng viên, cũng như lựa chọn các dịch vụ phục vụ cho việc tổ chức các khóa đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Chậm ban hành cơ chế, chính sách. Ngày 08/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 52/2023/TT-BTC về việc hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP (chậm 02 năm), vì mới triển khai thực hiện nên chưa rõ kết quả năm 2023.

+ Các cơ chế hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đạt được như kỳ vọng xuất phát từ quy định hoạt động của các Quỹ. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ cho vay đối với đối tượng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; tức là đối tượng hỗ trợ của Quỹ đã bị thu hẹp. Việc giới hạn đối tượng hỗ trợ của Quỹ như hiện nay đã phần nào làm hạn chế cơ hội tiếp cận nguồn lực hỗ trợ của Chính phủ đối với những doanh nghiệp nhỏ và vừa còn lại.

+ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ yếu được triển khai thông qua các ngân hàng đối tác, cung cấp 80% các khoản vay với lãi suất trần dưới lãi suất thị trường, trong đó công ty đi vay được yêu cầu đóng góp 20% chi phí dự án. Tuy nhiên, điều kiện đầu tiên có thể không khuyến khích sự tham gia của các ngân hàng thương mại do giảm quá mức biên lợi nhuận của các khoản vay, trong khi điều kiện thứ hai có thể ngăn cản việc đăng ký vay vốn của các doanh nghiệp nhỏ, vốn hạn chế về nắm giữ tiền mặt. Việc các doanh nghiệp nhỏ ít biết tới Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và quy trình phê duyệt lâu cũng được cho là những lý do khiến việc sử dụng Quỹ này bị hạn chế.

+ Các điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận gói hỗ trợ vay vốn của Nhà nước còn khá phức tạp so với thực tế của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp đối diện những rào cản về mặt quy trình, thủ tục khác nhau khi vay vốn; trong đó, điển hình nhất khi 79,44% doanh nghiệp cho biết không thể vay vốn nếu thiếu tài sản thế chấp, 58,72% doanh nghiệp cho biết bị áp đặt các điều kiện tín dụng bất lợi, và 58,63% doanh nghiệp cho biết thủ tục vay vốn quá phức tạp, phiền hà...

+ Việc triển khai Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp còn gặp nhiều bất cập trong quản lý, sử dụng Quỹ; các quy định về việc sử dụng Quỹ chưa đồng bộ, rõ ràng, thiếu cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra, với các doanh nghiệp đã trích lập Quỹ, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn thành lập Quỹ rất nhỏ.

- Về môi trường đầu tư, kinh doanh

Môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội được phản ánh rõ nhất qua chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do cộng đồng doanh nghiệp đánh giá hàng năm. Chỉ số này tăng hạng và giữ vị trí thứ 9/63 tỉnh, thành phố trong các năm 2018, 2019, 2020 nhưng lại giảm sau đó. Năm 2021 giảm 1 bậc (xếp thứ 10/63). Năm 2022 tiếp tục giảm sâu 10 bậc (xếp thứ 20/63), trong đó, 07/10 chỉ số cấu thành PCI giảm hạng so với năm 2021: (i) Chi phí gia nhập thị trường giảm 15

bậc (xếp thứ 59/63); (ii) Tiếp cận đất đai giảm 09 bậc (xếp thứ 59/63); (iii) Chi phí thời gian giảm 10 bậc (xếp thứ 15/63); (iv) Chi phí không chính thức giảm 19 bậc (xếp thứ 48/63); (v) Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh giảm 24 bậc (xếp thứ 53/63); (vi) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giảm 05 bậc (xếp thứ 09/63); (vii) Đào tạo lao động giảm 02 bậc (xếp thứ 03/63).

UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 07/6/2023 về nâng cao chỉ số PCI và chỉ số PGI năm 2023 của thành phố Hà Nội, giao các sở, ban ngành chủ trì thực hiện các giải pháp tiếp tục duy trì các chỉ số thành phần đạt kết quả cao; tập trung cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần bị trừ điểm hoặc đạt điểm thấp; giao Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - xã hội Hà Nội nghiên cứu, xây dựng và triển khai từ năm 2024 Chỉ số DDCI (Năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban ngành) nhằm đo lường chất lượng quản lý, điều hành của các cơ quan chính quyền cấp huyện và sở, ban ngành. Bên cạnh đó, Thành phố đã thành lập Tổ công tác đặc biệt về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố.

- Về hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh

Mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp được phản ánh tổng hợp qua Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). PAPI gồm 8 chỉ số thành phần, được khảo sát với quy mô mẫu trên 16.000 người dân từ 18 tuổi trở lên tại 63 tỉnh, thành phố.

Chỉ số PAPI của Hà Nội tăng hạng từ vị trí thứ 58 (năm 2016) lên vị trí thứ 9 (năm 2021), năm 2022 giảm 3 bậc, tuy nhiên vẫn trong nhóm dẫn đầu cả nước; trong đó: có 03 chỉ số trong top 10 cả nước, 06 chỉ số giảm hạng so với năm 2021: (i) Công khai, minh bạch giảm 03 bậc (xếp thứ 08/63); (ii) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công giảm 03 bậc (xếp thứ 22/63); (iii) Thủ tục hành chính công giảm 13 bậc (xếp thứ 18/63); (iv) Cung ứng dịch vụ công giảm 17 bậc (xếp thứ 45/63); (v) Quản trị môi trường giảm 05 bậc (xếp thứ 58/63); (vi) Quản trị điện tử giảm 02 bậc (xếp thứ 03/63).

Trên cơ sở phân tích kết quả Chỉ số PAPI năm 2022, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 26/5/2023 về cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của thành phố Hà Nội năm 2023; giao nhiệm vụ cụ thể tới từng sở, ngành, đơn vị. Các nội dung, nhiệm vụ được triển khai đầy đủ, đồng bộ, đạt kết quả tốt. Cơ bản các nội dung, nhiệm vụ đặt ra trong năm 2023 tại Kế hoạch số 157/KH-UBND đã hoàn thành.

2. Ban Văn hóa – Xã hội

2.1. Về công tác quản lý, khai thác và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao

** Vướng mắc trong việc quản lý, khai thác sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở*

- Công tác đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được Thành ủy - HĐND - UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo, về cơ bản đã làm tốt các hoạt động tuyên truyền, các hoạt động văn hóa thể thao, vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể chất và sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, xây dựng Người Hà Nội thanh lịch, văn minh;

Hoạt động của các đơn vị văn hóa, thể thao Thành phố từng bước nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp và đã hướng mạnh về cơ sở trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Hệ thống các thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn Thành phố đã có sự phát triển mạnh và ngày càng hoàn thiện. Các công trình văn hóa, thể thao cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố được quan tâm đầu tư xây dựng mới, sửa chữa và nâng cấp; nhiều quận, huyện đã xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng và phát huy các thiết chế văn hóa thể thao, thu hút được sự tham gia của các tầng lớp nhân dân.

Tuy nhiên, việc triển khai hoạt động có hiệu quả của các thiết chế này vẫn còn những tồn tại: (1) Cơ sở vật chất nhiều nơi đã bị xuống cấp, thiếu trang thiết bị và chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động; Nhiều cơ sở được xây dựng từ lâu, việc cải tạo, sửa chữa chưa thực sự khắc phục được hoàn toàn các hạn chế của công trình, các đơn vị gặp khó khăn trong công tác khai thác và phát huy hiệu quả hoạt động; (2) Kinh phí chi cho tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao nhất là thiết chế cấp xã, nhà văn hóa- Khu thể thao thôn, tổ dân phố còn rất thấp, nhiều địa phương không có hỗ trợ; (3) Công tác quản lý, tổ chức hoạt động còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động, sáng tạo, nội dung và hình thức hoạt động chưa phong phú, hấp dẫn, hiệu quả; (3) Chưa có quy chế quản lý, khai thác và tổ chức hoạt động của Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố sau đầu tư; Đội ngũ cán bộ cấp xã mỏng, chưa được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ.

** Nguyên nhân:*

- Nguyên nhân chủ quan: (i) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền một số cơ sở đối với công tác hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao chưa thực sự quyết liệt; (ii) Nguồn kinh phí đầu tư cho hệ thống thiết chế văn hoá thể thao chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển văn hóa, còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế; (iii) Đội ngũ cán bộ chuyên trách ở các trung tâm văn hoá cấp huyện, cấp xã còn thiếu nên việc tổ chức hoạt động chưa bài bản, thống nhất; (iv) Xã hội hóa trong công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống thiết chế văn hoá, nhất là đối với các nhà văn hoá thôn, tổ dân phố còn hạn chế, chưa có cơ chế khuyến khích được các nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư, quản lý và khai thác.

- Nguyên nhân khách quan: (i) Các thiết chế văn hoá chưa được đầu tư hiện đại theo kịp tốc độ phát triển và đòi hỏi ngày càng cao, vì vậy, không thu hút được đông đảo người dân tham gia; (ii) Cơ chế chính sách còn thiếu, chưa chủ động khi triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính; (iii) Quỹ đất tại khu vực nội thành còn hạn chế nên khó khăn trong việc hoàn thành các chỉ tiêu về nhà văn hóa tổ dân phố.

2.2. Về công tác tổ chức các sự kiện văn hóa, giải trí, quản lý các công trình công cộng có nơi, có lúc chưa đảm bảo sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, các cấp

- Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện chưa thống nhất một đầu mối, nhiều cơ quan tham mưu trình UBND triển khai kế hoạch như : (1). Sở Du lịch; (2). Sở Công thương; (3). Trung tâm Xúc tiến Du lịch Thương mại đầu tư; (4). Sở Văn hoá và Thể thao; (5). Các tổ chức chính trị, xã hội Thành phố; (6). Hoạt động của UBND quận có không gian phổ đi bộ.

- Công tác phối hợp, công tác hậu kiểm đối với việc tổ chức các sự kiện (của các cơ quan được giao chủ trì) còn nhiều hạn chế dẫn đến:

+ Các hoạt động tổ chức sự kiện vẫn xảy ra tình trạng xả rác bừa bãi, làm mất vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, giao thông trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận.

+ Công tác tập kết trang thiết bị, vật liệu, lắp dựng phục vụ công tác tổ chức sự kiện thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu ý thức, còn để bừa bãi, rơi vãi nguyên vật liệu, ảnh hưởng đến điều kiện về an toàn lao động; chậm tháo dỡ, di dời, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và an toàn giao thông trên tuyến phố.

+ Một số chương trình biểu diễn nghệ thuật, sự kiện giải chạy thể thao quy mô lớn chưa tuân thủ việc đảm bảo âm lượng phù hợp, bật loa công suất lớn dẫn đến tình trạng xung đột âm thanh, gây tiếng ồn và ảnh hưởng đến không gian đi bộ, cộng đồng dân cư sinh sống tại khu vực lân cận.

+ Vẫn còn tình trạng một số hoạt động sự kiện văn hoá, thể thao quy mô lớn như các chương trình biểu diễn nghệ thuật, giải chạy thể thao có số lượng người tham gia đông tập trung cùng thời điểm trong không gian có sức chứa hạn chế, địa hình di chuyển không thuận lợi, chưa thực sự chú ý đến các biện pháp đảm bảo an toàn, khả năng dẫn đến nguy cơ mất an toàn tính mạng do ùn tắc, dẫm đạp, cháy nổ.

+ Một số sự kiện quy mô lớn, chủ yếu do các Sở, ngành thực hiện theo Kế hoạch chỉ đạo của Thành phố như Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Sở Công Thương, Sở Du lịch và một số sự kiện khác như của cơ quan trực thuộc Bộ Công Thương và gần đây là Công ty TNHH Đức Hương Anh (đơn vị tổ chức Giải chạy Marathon Di sản Quốc tế Hà Nội) tổ chức sự kiện dưới hình thức như hội chợ, dàn dựng nhiều gian hàng trưng bày và lắp đặt tại vị trí trên vỉa hè sát vườn hoa hồ Hoàn Kiếm như vỉa hè phố Đinh Tiên Hoàng, Lê Thái Tổ đã che chắn, ảnh hưởng đến tầm nhìn, làm mất mỹ quan, cảnh quan hồ Hoàn Kiếm, nhất là đối với các sự kiện trưng bày và bán các sản phẩm đặc sản vùng miền và hàng hoá tiêu dùng. Thực tế cho thấy, trong quá trình tổ chức các hoạt động gian hàng, một số cơ quan chủ trì tổ chức sự kiện chưa chủ động tăng cường công tác giám sát, đôn đốc, nhắc nhở thường xuyên các gian hàng ý thức gìn giữ vệ sinh, môi trường xung quanh. Nên đã dễ xảy ra tình trạng tập kết hàng hoá lộn xộn, làm mất vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, giao thông trên tuyến phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm.

+ Trong quá trình tổ chức triển khai, các Sở, ngành chuyên môn chủ trì tổ chức sự kiện của Thành phố chưa chủ động phối hợp, trao đổi thông tin về kế hoạch tổ chức, phương án dàn dựng trên mặt bằng chi tiết, cụ thể với các Cơ quan, đơn vị được giao quản lý phố đi bộ để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định và điều kiện thực tế cho phép tại không gian phố đi bộ. Do vậy, dẫn đến tình trạng không phù hợp với cảnh quan, môi trường.

+ Đặc biệt, do hạn chế về nguồn lực, lực lượng chức năng tham gia phục vụ công tác quản lý, giám sát các sự kiện tổ chức trên phố đi bộ, nên chưa phát hiện, xử lý kịp thời những trường hợp thực hiện không đúng văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

+ Công tác hậu kiểm còn thiếu chủ động; chế độ báo cáo đánh giá kết quả sau tổ chức sự kiện yếu, không kịp thời; chưa kịp thời tổ chức các hội nghị sơ kết tổ chức sự kiện để đánh giá rút kinh nghiệm.

- Chưa có giải pháp, đề xuất kịp thời về cơ chế, trách nhiệm đóng góp của doanh nghiệp khi tham gia tổ chức các sự kiện (trong điều kiện hiện nay số lượng tần xuất sự kiện tổ chức đậm đặc, phải huy động một lực lượng công an, dân phòng, thanh tra chuyên ngành lớn).

2.3. Tiến độ triển khai một số dự án, công trình văn hóa, di tích lớn còn chậm

** Nguyên nhân khách quan:*

- Đối với các di tích Quốc gia đặc biệt, theo quy định của Luật Di sản và Nghị định 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì phải Lập Quy hoạch trình Thủ tướng phê duyệt mới được triển khai các dự án thành phần, công tác Quy hoạch cần trọng để đảm bảo vừa Bảo tồn vừa phát huy được giá trị di tích.

- Đối với các dự án tu bổ di tích thực hiện theo Quy định của Luật Di sản, Nghị định 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Luật Xây dựng, Luật đầu tư công, việc tu bổ phải cần trọng, đảm bảo bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích vừa phát huy giá trị di tích, theo quy định dự án tu bổ di tích đối với dự án tu bổ hạng mục gốc phải thực hiện 2 bước, bước 1 là lập dự án, bước 2 là lập TKBVTC và cả 2 bước phải được cơ quan quản lý về Di sản thẩm định chuyên ngành.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Cơ quan được giao chủ đầu tư thường là đầu tư các dự án xây dựng cơ bản nên còn hạn chế về năng lực cũng như chuyên môn quản lý đầu tư các dự án tu bổ di tích, các tổ chức, cá nhân thực hiện tu bổ di tích còn hạn chế về chuyên môn và năng lực theo quy định.

2.4. Về tiến độ triển khai một dự án phục vụ phát triển du lịch còn chậm, thiếu sản phẩm du lịch đặc sắc, mang thương hiệu Thủ đô

Sau giai đoạn dịch COVID-19 diễn ra, việc phục hồi – phát triển kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực tài chính suy giảm, nhu cầu du lịch của du khách tại một số thị trường trọng điểm suy giảm, dẫn đến các doanh nghiệp kinh doanh du lịch có xu hướng tập trung tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, thay vì ưu tiên phát triển và hoàn thiện cho các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực du lịch. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp gặp vướng mắc trong cơ chế chính sách về đất đai, góp vốn tài chính...Do đó, nhiều dự án du lịch trọng điểm có tiến độ chậm, chưa đáp ứng kế hoạch đề ra.

UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 08/6/2022 về biện pháp đẩy nhanh tiến độ đầu tư, tập trung xử lý các dự án vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm triển khai trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND Thành phố các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án chậm tiến độ, trong đó có các dự án đầu tư xây dựng công viên, khu vui chơi giải trí, khách sạn cao cấp. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư theo nhiệm vụ được giao đã và đang triển khai tham mưu với UBND Thành phố giải quyết dứt điểm các dự án chậm triển khai trong đó

có các dự án đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, sản phẩm du lịch để thúc đẩy tiến độ đầu tư, sớm hình thành các khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khách du lịch trong nước và quốc tế.

Về phát triển sản phẩm du lịch, trong thời gian vừa qua, Thành phố đã tích cực xây dựng và phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch dựa trên việc khai thác các tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, cụ thể: Ra mắt 15 sản phẩm du lịch đêm hấp dẫn; Phát triển sản phẩm du lịch golf kết hợp du lịch văn hóa trên địa bàn Thị xã Sơn Tây; Nghiên cứu và xây dựng sản phẩm du lịch đường sông; Phát triển thêm các tuyến xe bus 02 tầng kết nối các điểm đến du lịch nội đô với khu vực ngoại thành. Qua đánh giá, các sản phẩm du lịch đã tạo dựng được thương hiệu, thu hút đông đảo du khách đặc biệt là du khách trẻ, du khách quốc tế. Thời gian tới, ngành Du lịch Thủ đô sẽ tiếp tục ưu tiên phát triển một số sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn như: mô hình du lịch cộng đồng ở Ba Vì, Sơn Tây; sản phẩm du lịch thể thao ở Sóc Sơn, triển khai mô hình phát triển kinh tế ban đêm, tuyên phổ ẩm thực gắn với các tuyến phố đi bộ phục vụ du lịch ...

2.5. Về hệ thống hạ tầng dịch vụ du lịch, hạ tầng đô thị hỗ trợ hoạt động du lịch

Hiện nay, hệ thống hạ tầng du lịch, đô thị hỗ trợ hoạt động du lịch đã được quan tâm, đầu tư cơ bản đồng bộ, hiện đại. Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế, dẫn đến việc đầu tư hạ tầng du lịch, hạ tầng đô thị hỗ trợ hoạt động du lịch ở một số địa phương còn gặp khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu đề ra. Trong thời gian tới, UBND Thành phố sẽ giao Sở Du lịch chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, cân đối nguồn lực, ưu tiên đầu tư vào các dự án hạ tầng kết nối du lịch, đặc biệt tại những khu vực có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch.

Đối với hệ thống cơ sở lưu trú du lịch Hà Nội được đánh giá là địa phương có hệ thống cơ sở lưu trú lớn nhất cả nước với 3.758 cơ sở lưu trú du lịch với 71.016 phòng; trong đó có 605 khách sạn, căn hộ đã được xếp hạng từ 1-5 sao với 26.411 phòng, chiếm 16 % tổng số cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn và 37% tổng số phòng. Riêng cơ sở lưu trú 3-5 sao của Hà Nội xếp thứ 4 cả nước sau Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đà Nẵng. Thời gian vừa qua, ngành Du lịch Thủ đô đã rất tích cực phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng lưu trú, nhiều khách sạn cao cấp, hiện đại đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, sớm được đưa ra thị trường như: Khách sạn Four Seasons (Hoàn Kiếm), Landmark 55 (Tây Hồ),...Tuy nhiên chưa đạt được như kỳ vọng do đây là ngành cần đầu tư lớn, nhưng thời gian thu hồi vốn dài. Thời gian tới, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo các đơn vị khai động bộ các giải pháp trong phát triển hệ thống cơ sở lưu trú trên địa bàn Thành phố như: Tăng cường công tác xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, lớn, uy tín đến đầu tư các dự án tại Thủ đô; Phối hợp triển khai công tác quy hoạch, ưu tiên dành các quỹ đất đẹp, vị trí thuận lợi để phát triển các khu nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp,...

2.6. Về tiến độ triển khai các dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp trường học đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố

- Tiến độ thực hiện các dự án trường trung học phổ thông phân cấp cho cấp huyện chậm. Tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố quy định phân cấp quản lý nhà nước về một số lĩnh vực kinh tế - xã hội

của Thành phố; trong đó, phân cấp cho cấp huyện đầu tư các trường THPT (trước đây là nhiệm vụ cấp Thành phố); đã đồng thời chuyển toàn bộ kinh phí dự kiến đầu tư các trường THPT phân cấp tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố từ ngân sách cấp Thành phố (nhiệm vụ chi cấp Thành phố) sang ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện (nhiệm vụ chi cấp huyện). Như vậy, nhiệm vụ của Thành phố chuyển về cấp huyện đã được chuyển toàn bộ kinh phí thực hiện như Thành phố đã dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, sau khi các địa phương nhận bàn giao, khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hầu hết các dự án trường THPT đều tăng quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư gấp nhiều lần so với dự kiến tại Kế hoạch. Các quận, huyện, thị xã đề xuất ngân sách Thành phố bổ sung kinh phí hỗ trợ.

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã tổ chức 3 cuộc họp để nắm bắt khó khăn cụ thể của các đơn vị, chỉ đạo và giao các sở ngành tham mưu giải quyết theo đề nghị của các quận, huyện, thị xã; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Xây dựng tổ chức họp rà soát theo đề nghị của 16 quận, huyện, thị xã; đã báo cáo trình HĐND Thành phố tại văn bản số 430/BC-UBND ngày 18/11/2023 về Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023, xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và cập nhật tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố.

2.7. Về việc công nhận lại trường chuẩn quốc gia còn chậm

** Thực trạng công tác xây dựng trường CQG hiện nay*

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, phân đấu đến hết năm 2025 toàn Thành phố có trường công lập đạt CQG đạt tỷ lệ **80-85%**. UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 31/8/2022 về việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 23/6/2023 về xây dựng trường công lập đạt chuẩn quốc gia thành phố Hà Nội năm 2023. Theo Kế hoạch số 236/KH-UBND giai đoạn 2022-2025, toàn thành phố công nhận mới tăng thêm là 552 trường đạt CQG. Tình hình thực hiện như sau:

+ Năm 2022: chỉ tiêu công nhận 194 trường đạt chuẩn mới (đã thực hiện được 142 trường, đạt 73,2% kế hoạch);

+ Năm 2023: chỉ tiêu công nhận 130 trường đạt chuẩn mới; đến hết tháng 11 đã có quyết định công nhận mới 33 trường (25,4% kế hoạch); công nhận lại cho 40 trường (10,2% kế hoạch).

Mặc dù, công tác xây dựng trường học đạt CQG đã được các ban, ngành, đoàn thể các cấp luôn quan tâm, toàn ngành giáo dục và đào tạo dốc sức thực hiện, nhưng do đang ở giai đoạn giữa của kỳ kế hoạch, các dự án đầu tư công đầu tư cho các trường thuộc kế hoạch xây dựng trường đạt CQG (cả công nhận mới và công nhận lại) đang thực hiện, chưa hoàn thành nên kết quả hiện tại tỷ lệ trường công lập đạt CQG còn thấp so với kế hoạch đã xây dựng, vì vậy kế hoạch xây dựng trường công lập đạt CQG của nhiều quận, huyện hàng năm đều đã có những điều chỉnh cho phù hợp. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc công nhận mới, công nhận lại trường CQG chậm so với kế hoạch là chậm bố trí nguồn vốn để triển khai xây dựng trường CQG, bởi vướng mắc lớn nhất về xây dựng trường CQG là tiêu chí cơ sở vật chất.

** Việc thực hiện công nhận và công nhận lại trường chuẩn quốc gia đảm bảo thực chất, đúng tiêu chí quy định*

- Việc công nhận trường CQG thực hiện theo quy định tại các thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; số 18/2018/TT-BGDĐT; số 19/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG đối với trường tiểu học; trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; trường mầm non; tại thời điểm đánh giá trường phải được đánh giá đạt đủ tất cả các tiêu chuẩn, tiêu chí mới được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia ở mức tương ứng. Thời hạn công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và CQG là 5 năm. Đến thời hạn phải công nhận lại thì trường phải tiến hành Tự đánh giá và trình cấp có thẩm quyền tổ chức kiểm định lại theo quy định. Nếu chưa đủ các mức độ đánh giá theo quy định thì không được công nhận trường đạt CQG nữa, Thành phố thực hiện việc xóa tên trường khỏi danh sách trường đạt CQG của Thành phố.

- UBND các quận, huyện, thị xã cần quan tâm giữ vững ổn định và phát triển nâng cao các tiêu chí của trường đạt CQG để công nhận lại đúng thời hạn. Giao nhiệm vụ giữ chuẩn thuộc trách nhiệm của Hiệu trưởng các nhà trường; Trong thời hạn công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và CQG, nếu trường không còn đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định sẽ bị thu hồi Bằng công nhận trường đạt CQG (theo quy định tại Điều 39 của các thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; số 18/2018/TT-BGDĐT; số 19/2018/TT-BGDĐT).

- Để đảm bảo thực chất trường đạt CQG, tháng 4/2022, UBND Thành phố chỉ đạo về việc không công nhận CQG đối với các trường quá hạn công nhận lại, đã thực hiện rà soát và xóa tên đối với có 279 trường công lập đạt CQG quá hạn công nhận lại, trong đó có 70 trường mầm non, 131 trường tiểu học, 69 trường THCS và 09 trường THPT. Đây là các trường đã được công nhận đạt CQG từ năm 2016 trở về trước mà chưa hoàn thành công nhận lại, đưa tỷ lệ trường công lập đạt CQG từ 79,0% giảm xuống còn 66,7%.

Năm 2022, các trường được công nhận CQG năm 2017 phải hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục để được công nhận lại CQG. Tuy nhiên trong giai đoạn 2022-2025 Thành phố đang tập trung ưu tiên nguồn lực để thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố và Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Thành phố về đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt CQG, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo, vì vậy hết năm 2022, UBND Thành phố chưa thực hiện xóa tên các trường chưa hoàn thành công nhận lại này (gồm 139 trường, trong đó 41 trường mầm non, 44 trường tiểu học, 43 trường THCS và 11 trường THPT). Các trường này hiện đang được các quận, huyện tiếp tục bổ sung, hoàn thiện điều kiện để thực hiện công nhận lại CQG, cụ thể đã có 05 trường có quyết định công nhận đạt CQG, trong đó mầm non 03 trường, tiểu học 01 trường, THPT 01 trường và có 44 trường đang thực hiện đánh giá ngoài để công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt CQG, trong đó mầm non 16 trường, tiểu học 10 trường, THCS 16 trường và THPT 01 trường.

Tính đến ngày 24/11/2023, tỷ lệ trường đạt CQG toàn Thành phố đạt là 59,9% (1.675/2.800), trong đó công lập là 73,8% (1.656/2.244), không tính 4 trường đặc thù

(học sinh khuyết tật). Chia ra: Mầm non đạt 73,5% (589/801); Tiểu học đạt 69,3% (494/713); THCS đạt 80,8% (492/609); THPT đạt 66,9% (81/121).

Nếu không tính các trường (công nhận CQG năm 2017) chưa thực hiện công nhận lại đúng tiến độ vào tỷ lệ trường CQG thì tỷ lệ giảm xuống còn toàn Thành phố đạt là 59,6% (1.585/2.800), trong đó công lập là 69,8% (1.566/2.244), trong đó Mầm non đạt 70,8% (567/801); Tiểu học đạt 64,7% (461/713); THCS đạt 76,4% (465/609); THPT đạt 60,3% (73/121).

- Năm 2022, sau khi thực hiện xóa tên trường CQG không hoàn thành công nhận lại đúng thời hạn, UBND các quận, huyện, thị xã đã có những thay đổi rõ rệt về công tác chỉ đạo xây dựng trường CQG, thể hiện bằng sự điều chỉnh kế hoạch công nhận lại trường CQG, quan tâm xây dựng để công nhận lại các trường CQG hơn trước, từ đó đã có những điều chỉnh để về kế hoạch xây dựng trường CQG đến năm 2025 để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố đến năm 2025 tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia của Thành phố đạt 80-85%.

** Khó khăn, vướng mắc*

Những khó khăn vướng mắc trong công tác xây dựng trường đạt CQG hiện nay tập trung vào 2 tiêu chí chính là: cơ sở vật chất chưa đáp ứng quy định và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên còn thiếu về số lượng, chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, cụ thể:

- Việc quy hoạch mạng lưới trường lớp đảm bảo đạt chuẩn của các quận nội thành gặp rất nhiều khó khăn do thiếu quỹ đất xây trường mới, thiếu quỹ đất để mở rộng trường đảm bảo diện tích đạt chuẩn.

- Việc tăng dân số cơ học với tốc độ quá nhanh làm phá vỡ quy hoạch xây dựng trường công lập trong đó có Kế hoạch xây dựng trường CQG của các quận lõi, quận đang phát triển mạnh, gây ra hiện tượng thiếu trường, lớp cục bộ hoặc những nơi không còn quỹ đất để mở rộng (tập trung ở địa bàn 4 quận lõi: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa) dẫn đến các chỉ tiêu (số lớp/trường, số học sinh/lớp) ở một số phường, quận tăng cao dẫn đến không đảm bảo tiêu chuẩn diện tích tối thiểu/học sinh theo quy định.

- Đối với các quận, đất chật, người đông khó có quỹ đất để mở rộng trường đáp ứng các quy định hoặc thiếu kinh phí để giải phóng mặt bằng lấy đất mở rộng trường. Đối với các huyện, có quỹ đất để mở rộng trường, khó khăn chủ yếu lại thuộc về kinh phí để xây dựng trường và mua sắm tài sản, trang thiết bị đáp ứng các quy định hiện hành, do nguồn vốn cho kế hoạch xây dựng trường CQG của khối huyện chủ yếu trông vào sự hỗ trợ của Thành phố và nguồn thu từ đầu giá đất, nay đều đang gặp khó.

- Việc đầu tư các nguồn lực để xây dựng trường học đạt CQG, theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022, Kế hoạch số 139/KH-UBND để đến cuối năm 2025 hoàn thành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII còn chậm so với kế hoạch.

- Những quy định mới về yêu cầu đối với giáo viên của Luật Giáo dục 2019, sức ép của việc giảm biên chế và mức thu nhập thấp, chưa đủ sức thu hút đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên yên tâm công tác trong ngành giáo dục dẫn đến nhiều trường không đủ điều kiện đánh giá ngoài vì thiếu đội ngũ, có những vị trí thiếu nhiều năm

không tuyển được hoặc không ký được hợp đồng lao động (nếu thực hiện đánh giá ngoài thì kết quả không đạt vì thiếu đội ngũ theo quy định).

- Từ những khó khăn trong công tác đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ nhà giáo, nhân viên,... trong các trường đều dẫn đến tình trạng chậm, muộn trình đánh giá ngoài (ĐGN) để công nhận đạt kiểm định chất lượng và CQG. Hiện nay số trường trình xin đánh giá ngoài dồn vào cuối năm, không đủ thời gian thực hiện trong khi đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia thực hiện ĐGN cần có chứng chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo bồi dưỡng và cấp. Hiện nay, lực lượng này đang giảm sút do các đội ngũ cán bộ quản lý có chứng chỉ nghỉ hưu nhiều chưa được bổ sung (Bộ Giáo dục và Đào tạo đang dự thảo các thông tư thay thế các Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; số 18/2018/TT-BGDĐT; số 19/2018/TT-BGDĐT nên không tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp chứng chỉ).

** Giải pháp:*

- *UBND Thành phố giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với UBND các quận, huyện, thị xã, triển khai các nhiệm vụ sau:*

+ Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã công tác xây dựng trường đạt CQG và ĐGN để công nhận trường đạt CQG; thường xuyên rà soát, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt CQG và báo cáo Thành phố để có chỉ đạo kịp thời;

+ Tích cực kiểm tra tư vấn và tổ chức các Đoàn đánh giá ngoài thẩm định trường đạt CQG kịp thời theo thời gian của đơn vị đề xuất.

+ Đưa thêm chỉ tiêu hoàn thành công nhận lại trường đạt CQG là chỉ tiêu Kinh tế - xã hội để các đơn vị quan tâm thực hiện.

+ Kiến nghị với Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo những bất cập trong các văn bản quy định với thực tế công tác xây dựng trường đạt CQG của thành phố Hà Nội.

+ Hoàn thành công tác đầu tư theo đúng kế hoạch đã xây dựng: Xem xét hỗ trợ kinh phí cho các huyện khó khăn, còn nhiều trường cần công nhận lại Ba Vì, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Chương Mỹ...; Rà soát quỹ đất công để bổ sung quỹ đất và giải pháp nâng tầng so với quy định cho các trường thuộc quận nội thành như Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm; có giải pháp tháo gỡ mang tính đột phá cho các quận có tốc độ tăng dân số cơ học cao như Cầu Giấy, Hà Đông, Hoàng Mai...

+ Đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng trường học đạt CQG theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố, Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Thành phố.

+ Rà soát, tổng hợp báo cáo, tham mưu đề xuất phương án đảm bảo đủ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cho các trường đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt là các trường trong kế hoạch xây dựng đạt CQG.

- *UBND Thành phố giao các quận, huyện, thị xã:*

+ Xây dựng và thực hiện tốt việc quy hoạch đảm bảo đủ quỹ đất xây mới, mở rộng các trường học đáp ứng yêu cầu của phát triển giáo dục, đáp ứng các quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về trường đạt CQG;

+ Bố trí đủ kinh phí để xây dựng các trường đúng quy định về cơ sở vật chất trường học, đảm bảo đủ trang thiết bị trường học theo quy định. Rà soát, lập kế hoạch xây dựng trường công lập đạt CQG năm 2024, 2025 đảm bảo khả thi và triển

khai đầu tư cho các trường để đủ điều kiện công nhận CQG theo các quy định hiện hành (kể cả công nhận mới và công nhận lại).

+ Quan tâm đối với các trường thuộc Thành phố quản lý, quan tâm bố trí đủ quỹ đất, thực hiện các dự án đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng dạy học theo quy định phân cấp.

+ Thường xuyên rà soát, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt CQG và báo cáo Thành phố những khó khăn, vướng mắc để kịp thời có chỉ đạo tháo gỡ.

+ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tích cực kiểm tra tư vấn, hoàn thiện các điều kiện cần thiết cho các trường, hoàn thành Tự đánh giá và trình Thành phố đánh giá ngoài để thực hiện đánh giá ngoài công nhận CQG theo kế hoạch đã xây dựng.

2.8. Về tình trạng thiếu trường, lớp, quá tải trường học, nhất là tại các quận trung tâm, các khu đô thị mới

**** Về quy mô***

Tính đến tháng 9 năm 2023, toàn Thành phố có tổng số 2.874 trường mầm non, phổ thông các cấp; 29 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và 01 Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội (tăng 34 trường so với cùng kỳ năm học trước), với tổng số 66.138 lớp (tăng 1.919 lớp so với cùng kỳ năm trước) và có 2.222.246 học sinh (tăng 68.917 học sinh so với cùng kỳ năm trước); sĩ số bình quân 33,6 học sinh/lớp; toàn ngành có 124.493 giáo viên (tăng 1.525 giáo viên so với cùng kỳ năm trước) và 66.110 phòng học (tăng 846 phòng học so với cùng kỳ năm trước).

**** Vấn đề thiếu trường lớp học***

Theo Niên giám Thống kê thành phố Hà nội năm 2022, quy mô dân số của Thủ đô Hà Nội là 8.435.600 người, tăng 104.800 người so với năm 2021 và 189.100 người so với năm 2020; dân số tăng tập trung chủ yếu tại các quận nội thành, các khu đô thị khu đông dân cư có điều kiện phát triển về kinh tế, hạ tầng xã hội đã kéo theo gây áp lực cho hệ thống các trường học công lập tại các quận trung tâm, các khu đô thị mới, cụ thể: quận Cầu Giấy bình quân sĩ số học sinh cấp tiểu học công lập 51 học sinh/lớp, quận Hà Đông 48 học sinh/lớp; quận Hoàng Mai 47 học sinh/lớp; quận Nam Từ Liêm 49 học sinh/lớp; quận Thanh Xuân 49 học sinh/lớp, cá biệt một số trường có qui mô học sinh/lớp vượt quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo như:

Quận Bắc Từ Liêm: Tiểu học Xuân Đình 83 lớp 3.913 hs, bình quân 47hs/lớp; Tiểu học Phúc Diễn 47 lớp, 2.332 hs, bình quân 50 hs/lớp; Tiểu học Dịch Vọng A 56 lớp 3.127hs, bình quân 56 hs/lớp;

Quận Cầu Giấy Tiểu học Nghĩa Tân 61 lớp, 3.442 hs, bình quân 56 học sinh/lớp; Tiểu học Dịch Vọng B bình quân 57 hs/lớp; Tiểu học Phúc Diễn 47 lớp, 2.332 hs, bình quân 50 hs/lớp;

Quận Hà Đông Tiểu học Đoàn Kết bình quân 53 hs/lớp; Tiểu học Lê Lợi bình quân 53hs/lớp; Tiểu học Kiến Hưng bình quân 55hs/lớp; Tiểu học Mậu Lương 49 lớp, 2.945 hs, bình quân 60 hs/lớp; Tiểu học Văn Yên bình quân 56 hs/lớp;

Quận Hoàng Mai Tiểu học Đại Kim bình quân 54 hs/lớp; Tiểu học Định Công 51 lớp, 2269hs, bình quân 44 hs/lớp; Tiểu học Tân Định, Tiểu học Tân Mai bình quân 51hs/lớp; Tiểu học Vĩnh Hưng 59 lớp, 2.820 hs, bình quân 48 hs/lớp; Tiểu học Chu Văn An bình quân 49 hs/lớp...;

Quận Nam Từ Liêm Tiểu học Tây Mỗ bình quân 55hs/lớp; Tiểu học Cầu Diễn bình quân 53 hs/lớp; Tiểu học Mỹ Đình 1, Mỹ Đình 2, bình quân 54hs/lớp; Tiểu học Đại Mỗ bình quân 50hs/lớp...,

Quận Thanh Xuân: Tiểu học Đặng Trần Côn bình quân 54 hs/lớp; Tiểu học Khương Đình bình quân 54 hs/lớp; Tiểu học Kim Giang bình quân 57 hs/lớp; Tiểu học Nguyễn Trãi 51 hs/lớp.....;

Thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố đã tích cực triển khai việc xây mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống trường học, lớp học; mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân; tuy nhiên, do việc gia tăng dân số cơ học cục bộ tại một số khu đô thị khu đông dân cư dẫn đến thiếu trường lớp.

** Nguyên nhân thiếu trường lớp*

- Phát triển mạng lưới trường học theo quy hoạch không bắt kịp so với tốc độ gia tăng dân số. Dẫn đến hiện nay tại một số quận, huyện vẫn còn thiếu trường công lập theo quy hoạch:

+ Thiếu chỗ học cho học sinh dẫn đến tình trạng sĩ số học sinh lên đến 50-60 học sinh/lớp, cụ thể như các quận, huyện: Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Hai Bà Trưng, Long Biên, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Đống Đa, Đống Anh, Thanh Trì, Gia Lâm...

+ Quy hoạch theo Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐND ngày 05/4/2012 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thông qua Quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 mới chỉ nêu nhu cầu trường học, còn chưa rõ vị trí, diện tích của các ô đất, phân kỳ thực hiện.

+ Các trường thành lập mới trên các địa bàn đô thị hóa nhanh còn ít và chưa được chủ đầu tư quan tâm gây ra hiện tượng quá tải của các trường học hiện có trên khu vực hoặc do quá trình giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án kéo dài (một số khu vực khó trong việc giải phóng mặt bằng).

+ Địa bàn một số phường, thị trấn do điều kiện quỹ đất hạn chế nên không đảm bảo điều kiện có ít nhất 01 trường công lập 03 cấp học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Tập trung chủ yếu ở địa bàn 4 quận nội thành cũ.

- Công tác xã hội hóa còn bất cập:

+ Số lượng trường tiểu học đến trung học phổ thông ngoài công lập còn ít so với yêu cầu:

+ Nhiều khu đô thị ở các quận mới giao cho các nhà đầu tư chỉ tập trung xây dựng trường tư thục tăng áp lực lên các trường công lập.

** Giải pháp*

- Giải pháp 1: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thành lập mới, sửa chữa cải tạo các trường công lập giai đoạn 2021-2025 đã được UBND Thành phố ghi vón trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND Thành phố và Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025;

Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND Thành phố về đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo.

- Giải pháp 2: Rà soát những ô đất đã quy hoạch xây dựng trường học các cấp theo Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của UBND Thành phố và trong các khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn Thành phố, đặc biệt tại những nơi thiếu trường, lớp học; thu hồi các dự án chậm tiến độ trong việc xây dựng trường học giao lại cho UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng trường học công lập đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn.

- Giải pháp 3: Xây dựng Quy hoạch mạng lưới trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó nêu rõ vị trí ô đất, diện tích, quy mô trường lớp.

- Giải pháp 4: Tiếp tục ưu tiên dành quỹ đất sau khi di dời các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, trường trung cấp, trường Cao đẳng và trường Đại học ra khỏi khu vực nội đô ưu tiên quỹ đất để xây trường học công lập nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trên địa bàn Thành phố, đặc biệt tại khu vực nội đô, khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh.

- Giải pháp 5: Tiếp tục phân tuyến tuyển sinh cho 30 quận, huyện, thị xã theo 12 khu vực trên địa bàn Thành phố nhằm điều hòa hợp lý, đảm bảo chỗ học cho học sinh.

- Giải pháp 6: Tăng cường nguồn lực tài chính và đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường, lớp học theo hướng đồng bộ, kiên cố hoá, hiện đại hoá và chuẩn hóa.

- Giải pháp 7: Tăng cường quản lý nhà nước và cải cách thủ tục hành chính,

- Giải pháp 8: Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội, tiếp tục đẩy mạnh chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và các cá nhân đầu tư xây dựng mới các trường ngoài công lập, trường có yếu tố nước ngoài giảm gánh nặng ngân sách, góp phần nâng cao chất lượng cơ sở vật chất trường học.

2.9. Về công tác tiêm chủng phòng chống dịch bệnh

**** Nguyên nhân:***

- Do thiếu các vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng theo cung ứng từ Trung ương (Sởi, 5 trong 1) nên trẻ đi tiêm chậm hoặc phải hoãn tiêm.

- Một bộ phận người dân chủ quan do tình hình dịch bệnh ổn định, nên chưa đưa trẻ đi tiêm đúng lịch theo quy định.

**** Phương hướng khắc phục trong thời gian tới:***

- Tổ chức tiêm bù, tiêm vét cho trẻ em khi có đủ vắc xin cung cấp từ Trung ương để đạt tiến độ tiêm chủng theo kế hoạch. Tính tới thời điểm hiện tại, đã có có chỉ tiêu “Tiêm vắc xin bại liệt cho trẻ từ 9 tháng tuổi đến dưới 1 tuổi” đã đạt được do tổ chức tiêm bù cho các đối tượng thiếu mũi tiêm; chỉ tiêu “Tiêm Viêm não Nhật Bản cho trẻ 1-2 tuổi” cũng đã đạt chỉ tiêu.

- Tăng cường tuyên truyền cho người dân để đưa con, em đi tiêm chủng đúng lịch.

2.10. Về một số dịch bệnh diễn biến kéo dài, chưa được kiểm soát tốt (dịch sốt xuất huyết)

Trong 11 tháng đầu năm 2023, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn thành phố Hà Nội cơ bản được kiểm soát tốt. Dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát

hiệu quả, số ca mắc mới và tử vong do COVID-19 đã giảm mạnh, trong tháng 4-5/2023 có đợt bùng phát dịch do biến chủng XBB.1.5 nhưng đã nhanh chóng được khống chế. Thành phố không ghi nhận các dịch bệnh nguy hiểm khác như Mer-CoV, Ebola, Đậu mùa khỉ, Bệnh do vi rút Nipah, Bạch hầu, bại liệt.

Riêng bệnh Sốt xuất huyết (SXH) có xu hướng gia tăng nhanh từ tháng 6 đến nay. Bệnh nhân ghi nhận tại 30/30 quận huyện thị xã, một số xã phường ghi nhận ổ dịch phức tạp, kéo dài. Dịch SXH gia tăng nhanh và có diễn biến kéo dài tại một số nơi là do các nguyên nhân sau:

Trên phạm vi toàn cầu: SXH ngày càng có xu hướng gia tăng và mở rộng. SXH đã được Tổ chức Y tế thế giới đánh giá là một trong những dịch bệnh do véc tơ truyền bệnh có xu hướng lây lan nhanh nhất và trở thành vấn đề y tế công cộng mang tính toàn cầu. Giai đoạn trước những năm 1970 chỉ có vài quốc gia ghi nhận dịch bệnh SXH lưu hành, tuy nhiên hiện nay đã có ít nhất 128 quốc gia ghi nhận sự lưu hành của dịch bệnh SXH. Số liệu của WHO ước tính năm 2015 cho thấy, mỗi năm có khoảng 390 triệu trường hợp mắc SXH trên toàn cầu và số người mắc đã tăng tới 30 lần trong vòng 30 năm qua. Hiện nay chưa có nước nào khống chế thành công bệnh sốt xuất huyết.

Tình hình dịch bệnh SXH phụ thuộc nhiều vào yếu tố như thời tiết, khí hậu, lượng mưa trong năm. Theo đánh giá của các cơ quan dự báo khí tượng thủy văn, hiện nay thế giới đối diện với biến đổi khí hậu làm thời tiết mưa nắng thất thường tạo điều kiện thuận lợi cho muỗi truyền bệnh phát triển. Năm 2023-2024, hiện tượng khí hậu El Nino sẽ góp phần làm gia tăng các dịch bệnh do véc tơ truyền do làm biến đổi nhiệt độ và sự phân bố lượng mưa giữa các khu vực bị ảnh hưởng.

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong giai đoạn 2020-2022, đặc biệt là các biện pháp cách ly, phong tỏa phòng chống dịch đã làm giảm nguy cơ mắc bệnh của nhiều dịch bệnh truyền nhiễm trong đó có SXH do giảm thiểu tiếp xúc giữa người - người. Tuy nhiên, từ giữa năm 2022 đến nay, dịch bệnh COVID-19 đã được kiểm soát hiệu quả, nhu cầu giao lưu đi lại, tiếp xúc của người dân tăng lên do không còn các hạn chế về phòng chống dịch đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dịch bệnh truyền nhiễm gia tăng, trong đó có SXHD. Đây là "khoảng trống miễn dịch" trong cộng đồng tạo ra sau thời gian giãn cách xã hội và giảm tiếp xúc trong đại dịch Covid-19 trước đó.

Đô thị hóa và điều kiện vệ sinh môi trường. Dịch bệnh SXH tại Hà Nội trong những năm gần đây tập trung nhiều tại nhiều quận huyện khu vực vùng ven đô, nơi có tốc độ đô thị hóa đang gia tăng mạnh mẽ, dân số gia tăng, điều kiện vệ sinh môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của muỗi truyền bệnh phát triển.

2.11. Về chỉ tiêu duy trì xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử

Thực hiện Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 7/11/2014 của Bộ Y tế về Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020, Thành phố đã giao Sở Y tế chỉ đạo TTYT các quận, huyện, thị xã thực hiện duy trì bộ tiêu chí với 100% các xã, phường, thị trấn đạt TCQGVYTX. Ngày 9/3/2023, Bộ Y tế ban hành Quyết định 1300/QĐ-BYT về Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. Để đáp ứng các tiêu chí của Bộ tiêu chí mới, ngày 27/07/2023, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 196/KH-

UBND về thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội (*dự kiến hoàn thành việc thẩm định trước 30/6/2024*). Năm 2023, dự kiến 84,5% xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế theo tiêu chí mới của Bộ Y tế (Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023). Phần đầu đạt 100% xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế theo tiêu chí mới vào năm 2024.

Ngày 17/11/2021, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 258/KH-UBND về việc thực hiện quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe điện tử ước đạt 82,5%. Ngày 13/11/2023, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch 269/KH-UBND triển khai thí điểm lập Hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn Thành phố Hà Nội, thực hiện đồng bộ, kết nối với Hệ thống dữ liệu ngành Y tế và chia sẻ, kết nối với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Hệ thống, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo quy định, trên cơ sở đó hình thành cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người dân trên địa bàn Thành phố, góp phần nâng cao tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử.

2.12. Về tiến độ triển khai một số dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp bệnh viện còn chậm, chưa bổ sung được năng lực tăng thêm giường bệnh mới; một số trạm y tế xã, phường chưa có bác sỹ

- Đối với một số dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp bệnh viện còn chậm

Đối với các dự án y tế đến nay Hội đồng nhân dân thành phố đã phê duyệt chủ trương đầu tư tổng số 24/29 dự án mới, 02 dự án dự kiến trình HĐND TP thông qua tại kỳ họp tháng 12/2023, 02 dự án dự kiến trình HĐNDTP kỳ họp gần nhất và 01 dự án đề nghị đưa ra khỏi danh mục kế hoạch trung hạn, ủy ban Nhân dân Thành phố đã phê duyệt 7/24 dự án. Trong thời gian tới ủy ban nhân dân thành phố sẽ khẩn trương đẩy nhanh tiến độ phê duyệt các dự án để triển khai thực hiện nhằm bổ sung năng lực tăng thêm giường bệnh mới.

- Đối với một số trạm y tế xã, phường chưa có bác sỹ

Hiện nay, toàn Thành phố có 579 trạm y tế xã, phường, thị trấn, trong đó có một số trạm không có bác sỹ làm việc tại chỗ mà phải tăng cường bác sỹ từ các trung tâm y tế xuống hỗ trợ, làm việc, cụ thể:

+ Theo số liệu thống kê đến 30/8/2023, 519 trạm y tế có bác sỹ là viên chức làm việc, còn 60 trạm y tế chỉ có bác sỹ của Trung tâm Y tế tăng cường, luân phiên làm việc tại trạm y tế.

+ Nguyên nhân: Do có người về hưu, một số xin nghỉ việc do lương thấp, đãi ngộ kém. Bên cạnh đó, Chế độ đãi ngộ, điều kiện, môi trường làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp, thăng tiến vừa là những tồn tại vừa là nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong thu hút, tuyển dụng, sử dụng, giữ chân được nhân lực tại y tế cơ sở - nhất là nhân lực chuyên môn bác sỹ.

2.13. Về tình trạng các doanh nghiệp trên địa bàn chậm đóng, vi phạm pháp luật BHXH, BHYT, BHTN. Hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực BHXH chưa cao

Ngay từ đầu năm, UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường đôn đốc, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc đóng BHXH

theo quy định, tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị chậm đóng BHXH, thực hiện đồng bộ các giải pháp, giảm tình trạng chậm đóng BHXH trên địa bàn. Cụ thể:

- Thành phố đã tổ chức cuộc tuyên truyền, tư vấn, đối thoại, tháo gỡ khó khăn với doanh nghiệp, người lao động về chính sách, pháp luật BHXH, BHYT tại 30 quận, huyện, thị xã.

- Hàng tháng công khai danh sách các đơn vị chậm đóng BHXH trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử UBND các quận, huyện, thị xã.

- Hàng tháng cơ quan BHXH và UBND các quận, huyện, thị xã gửi văn bản đôn đốc các đơn vị đóng nộp BHXH theo đúng quy định.

- Không vinh danh, khen thưởng, xét tham gia đấu thầu và đầu tư dự án đối với các đơn vị, doanh nghiệp vi phạm pháp luật về BHXH, BHYT.

- Thành phố đã tiến hành 1.801 cuộc thanh tra, kiểm tra. Thông qua công tác thanh tra kiểm tra, các đơn vị đã nộp trên 76,5% số tiền chậm đóng BHXH (399 tỷ đồng); xử phạt và kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính hành vi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN theo thẩm quyền đối với 103 đơn vị đóng trên địa bàn, tổng số tiền XPVPHC là 7,7 tỷ đồng.

Với các giải pháp trên, dự kiến đến cuối năm 2023 số tiền chậm đóng BHXH, BHYT phải tính lãi giảm dưới 2,3% tổng số phải thu giảm 0,3% so với năm 2022.

- Tính đến hết tháng 10/2023 toàn bản thành phố có 14.964 đơn vị ngừng, dừng giao dịch, giải thể, phá sản, mất tích, chủ bỏ trốn chậm đóng BHXH với số tiền 1.722 tỷ đồng (trong đó số tiền gốc là 1.255 tỷ đồng, số tiền lãi 467 tỷ đồng) chiếm 31,6% số tiền chậm đóng BHXH. Số tiền chậm đóng BHXH của các đơn vị này phát sinh từ những năm 1996 đến nay, tuy nhiên các đơn vị, doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động bị giải thể, phá sản không có khả năng đóng BHXH, có một số doanh nghiệp tự động ngừng giao dịch, cơ quan BHXH và địa phương không tìm thấy những doanh nghiệp này.

Cũng từ năm 1996 đến nay, Thành phố đã báo cáo, kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, kiến nghị Chính Phủ ban hành Nghị định hướng dẫn việc xử lý số tiền chậm đóng đối với các doanh nghiệp này và đề nghị bổ sung quy định xử lý số tiền chậm đóng trong Luật BHXH. Để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH, căn cứ theo các quy định của pháp luật đối với người lao động thuộc các đơn vị ngừng, dừng giao dịch, giải thể, phá sản, mất tích, chủ bỏ trốn chậm đóng BHXH thì người lao động đã được xác nhận sổ BHXH theo kết quả đóng, nếu có nguyện vọng thì vẫn được giải quyết các chế độ BHXH theo quy định.

** Về hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực BHXH*

Thành phố đã thực hiện 4.334 cuộc thanh tra, kiểm tra; Trong đó: Thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch 3.534 cuộc, đạt 99,2% Kế hoạch (thanh tra chuyên ngành 695 đơn vị, kiểm tra đơn vị sử dụng lao động 1.673 đơn vị, kiểm tra cơ sở KCB BHYT 27 đơn vị, kiểm tra nội bộ 15 đơn vị, kiểm tra điểm thu, chi trả 147 điểm và phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành 977 đơn vị); Thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với 800 đơn vị.

Mặc dù lực lượng làm công tác thanh tra, kiểm tra mỏng, đa số là kiêm nhiệm; số người đủ điều kiện được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đóng BHXH ít;

số cuộc thanh tra, kiểm tra còn ít so với số đơn vị cần phải thanh tra, kiểm tra nhưng công tác thanh tra, kiểm tra đã góp phần quan trọng trong việc kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về BHXH, BHYT. Cụ thể kết quả sau thanh tra, kiểm tra như sau:

+ Số tiền các đơn vị đã TTKT nộp để khắc phục nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN là 399 tỷ đồng (đạt 76,5 %).

+ Yêu cầu đóng và truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho 549 lao động chưa tham gia, đóng thiếu thời gian với tổng số tiền đề nghị truy đóng là 12 tỷ đồng và 343 lao động đóng thiếu mức quy định với số tiền đề nghị truy đóng là 477,8 triệu đồng.

+ Yêu cầu truy giảm BHXH, BHTN cho 64 lao động đóng sai đối tượng, đóng thừa thời gian thời gian với số tiền đề nghị hoàn trả, điều chỉnh truy giảm là 790,3 triệu đồng.

+ Phát hiện 474 lượt người hưởng chế độ BHXH ngắn hạn sai quy định với số tiền phải thu hồi về quỹ BHXH là 540,7 triệu đồng.

+ Yêu cầu thu hồi về quỹ BHYT do các cơ sở KCB BHYT chi sai quy định với số tiền là 13,8 tỷ đồng.

- Xử phạt vi phạm hành chính: UBND Thành phố xử phạt hành chính hành vi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với 103 đơn vị đóng trên địa bàn, tổng số tiền XPVPHC là 7.726.556.086 đồng.

2.13. Về công tác chuyển đổi số chậm, nhiều chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin đạt thấp so với mục tiêu đề ra

** Về cơ chế chính sách:*

- Thành ủy đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 về Chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thể hiện rõ sự quyết tâm của các cấp ủy Đảng trong công tác chỉ đạo về CDS. UBND Thành phố đã ban hành các Kế hoạch triển khai chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số để tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo, định hướng của Thành ủy (Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 01/3/2023; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/9/2023);

- Để triển khai, Thành phố đã kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số Thành phố, các Tổ giúp việc chuyên đề và quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ đạo nhằm vừa bảo đảm tính thống nhất, tổng thể và vừa chuyên sâu trong công tác chỉ đạo triển khai về CCHC, CDS, thể hiện rõ trách nhiệm của từng ngành, lĩnh vực.

- Đề án “Xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã được tích cực triển khai trong năm 2023.

- Các quy chế liên quan đến công tác quản lý, vận hành, khai thác các HTTT/CSDL lớn của Thành phố phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm ATTT được ban hành kịp thời, như: Quy chế bảo đảm ATTT mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội (Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 14/4/2023); Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thư điện tử thành phố Hà Nội (Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 20/3/2023); Quy chế quản lý, vận

hành, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo thành phố Hà Nội (Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023).

- Thực hiện việc mở dữ liệu phục vụ các CQNN và công dân, doanh nghiệp khai thác, Hà Nội đã ban hành danh mục dữ liệu mở của Thành phố (Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 UBND Thành phố), trong đó nêu rõ trong đó đã xác định lộ trình mở dữ liệu; chỉ tiêu mở dữ liệu đã được Thành phố chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho từng ngành, lĩnh vực và đơn vị thuộc thành phố.

- Thực hiện cơ chế khuyến khích người dân sử dụng Dịch vụ công trực tuyến, Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước, đã ban hành Nghị quyết quy định về mức phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (mức thu bằng “không” áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ thực hiện các dịch vụ công theo hình thức trực tuyến (Số 07/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023);

- Nhằm giải quyết các “điểm nghẽn” trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp, Chủ tịch UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 13/10/2023 yêu cầu các đơn vị triển khai quyết liệt, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ theo thời hạn yêu cầu.

** Kết quả triển khai*

- Thành phố tiếp tục duy trì, vận hành khai thác hiệu quả các hạ tầng dùng chung của Thành phố: mạng diện rộng WAN; Trung tâm dữ liệu Nhà nước; Hệ thống giao ban trực tuyến,... Đồng thời, trong năm 2023, Thành phố tích cực triển khai các hệ thống lớn: Trung tâm dữ liệu chính của Thành phố; Thành phố đã hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị hạ tầng CNTT cho các đơn vị khó khăn về cân đối ngân sách nhằm triển khai hiệu quả các nhiệm vụ CDS được giao.

- Trong năm 2023, Thành phố đã hoàn thành triển khai và đưa vào vận hành các HTTT/CSDL quan trọng, cốt lõi của Thành phố nhằm cung cấp số liệu, thông tin phục vụ đắc lực cho công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Thành phố và phục vụ người dân, doanh nghiệp, các hệ thống được triển khai đồng bộ tới 03 cấp chính quyền đảm bảo theo hướng đồng bộ, tập trung, thống nhất, liên thông, tích hợp với các hệ thống của Trung ương, bao gồm: (1) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Thành phố; (2) Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố; (3) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố. Các Hệ thống với số lượng tài khoản người dùng, dữ liệu hồ sơ, văn bản.... được đánh giá là một trong các hệ thống lớn của cả nước, cụ thể: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Thành phố được triển khai tới 3.131 cơ quan, đơn vị; HTTT giải quyết TTHC của Thành phố triển khai tới 100% các CQNN Thành phố với 11.874 tài khoản.

- Trong đó, có HTTT giải quyết TTHC của Thành phố được triển khai phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC của Thành phố với 1.893 TTHC, bao gồm 318 DVCTT toàn trình và 873 DVCTT một phần. Hệ thống được triển khai kết nối, khai thác các HTTT/CSDL quốc gia nhằm phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp, giảm thiểu thành phần hồ sơ, bao gồm: CSDL quốc gia về Dân cư, Công DVC Quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến Quốc gia, Hệ thống quản lý hộ tịch, Bảo hiểm xã hội, ...

- Việc số hóa, tạo lập CSDL hồ tịch của Thành phố được các đơn vị tích cực triển khai với sự hướng dẫn đồng bộ, tổng thể, triệt để của Bộ Tư pháp. Đây là dữ liệu quan trọng, được tái sử dụng trong việc giải quyết TTHC nhằm giảm thành phần hồ sơ, người dân không phải nhập lại thông tin đã có. Ngoài ra, 13 Sở, ngành Thành phố đăng ký mở dữ liệu trong năm 2023 (tại Quyết định số 3478/QĐ-UBND), đến nay đã có 06 sở đã tiến hành mở dữ liệu bằng nhiều hình thức (website, kiosk, và cung cấp API kết nối, chia sẻ dữ liệu). 13 Sở, ngành được giao nhiệm vụ triển khai các hệ thống CSDL chuyên ngành, đến nay 10 đơn vị đang triển khai, 03 đơn vị đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ và thời gian hoàn thành sang năm 2024 (Công Thương, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường).

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) được triển khai tích cực làm cơ sở, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các HTTT của Thành phố với các hệ thống của quốc gia, Bộ, ngành và nội bộ Thành phố, bao gồm phục vụ mở dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, UBND Thành phố và sự vào cuộc của các cấp Chính quyền, kết quả chuyển đổi số của Hà Nội đã bước đầu được ghi nhận, với chỉ số CDS cấp tỉnh (DTI) năm 2022 tăng 16 bậc so với năm 2021; Tổ chức thành công các sự kiện lớn về CDS như: (1) Hội nghị thành phố thông minh Việt nam - Châu Á 2023 với sự tham gia của các chuyên gia, các diễn giả hàng đầu Châu Á và các tỉnh, thành phố trên cả nước; (2) Hội nghị Phát động thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn quận Hoàn Kiếm; (3) Hội nghị Hợp tác thúc đẩy chuyển đổi số thành phố Hà Nội, Phát động “Thi đua nước rút hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2023.

** Tồn tại, hạn chế*

- CDS là một nhiệm vụ vừa mới, vừa khó, các văn bản quy phạm chưa đầy đủ, hoàn thiện; các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện trên cơ sở Chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Bộ, ngành liên quan, vừa triển khai vừa điều chỉnh, cập nhật theo các chỉ đạo mới.

- Khối lượng công việc về CDS lớn, tuy nhiên, nguồn nhân lực CNTT của đơn vị chuyên trách về CNTT còn thiếu, đặc biệt tại khối xã chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, ảnh hưởng lớn tới tiến độ, chất lượng công tác tham mưu triển khai nhiệm vụ. Có hiện tượng cán bộ CNTT xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác dẫn đến thiếu hụt nghiêm trọng lực lượng công chức làm CNTT tại các cơ quan nhà nước Thành phố. Đối với ATTT, trong các văn bản chỉ đạo, yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông đề cập đến vị trí cán bộ chuyên trách về ATTT, tuy nhiên hiện tại hầu hết các đơn vị đều chưa có cán bộ chuyên trách về ATTT.

- Các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố đã được ban hành đầy đủ; tuy nhiên còn thiếu sự chủ động tại một số đơn vị trong vai trò chủ trì công tác CDS của ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố, chưa kịp thời tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ và khó khăn trong quá trình triển khai CDS của ngành, lĩnh vực. Đồng thời, trong quá trình triển khai, có sự điều chỉnh hoặc thay đổi các quy định chuyên ngành dẫn đến một số đơn vị đề xuất điều chỉnh tiến độ hoặc dừng các nhiệm vụ CDS liên quan.

- Một số hệ thống thông tin lớn đã được triển khai tuy nhiên, phạm vi, đối tượng sử dụng của Hà Nội lớn hơn nhiều so với các tỉnh thành phố khác, nên việc triển khai các HTTT lớn của Thành phố tốn nhiều thời gian, công sức và tính chất của hệ thống phức tạp, trong khi phải kết nối với nhiều HTTT/CSDL của các Bộ, ngành để khai thác, chia sẻ dữ liệu. Việc đồng bộ dữ liệu với một số hệ thống của Bộ, ngành còn gặp khó khăn gây ảnh hưởng đến hệ thống của Thành phố, nguyên nhân một phần do một số hệ thống của các Bộ, ngành được phát triển từ lâu, chưa được nâng cấp hoặc chưa có quy định để đảm bảo đồng bộ, chia sẻ dữ liệu.

- Bên cạnh việc triển khai tích cực, hiệu quả của công tác triển khai số hóa dữ liệu (do có hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan); còn một số nhiệm vụ chưa bảo đảm theo tiến độ do các lý do khách quan như: số hóa lưu trữ điện tử chưa được ban hành Thông tư quy định về Kho Lưu trữ số; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa được các Bộ, ngành hướng dẫn về thành phần, trường thông tin cần số hóa của từng ngành, lĩnh vực,...

- Các hạng mục nền tảng, hạ tầng CNTT cốt lõi cho phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số của Thành phố là những hệ thống có tính phức tạp, công nghệ hiện đại, với phạm vi, quy mô rộng lớn của Hà Nội, trong khi các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành còn chưa đầy đủ; quy trình thực hiện các thủ tục đầu tư qua nhiều bước, nhiều thời gian ảnh hưởng đến tiến độ triển khai (do hầu hết các khâu trong quy trình đều triển khai theo hình thức thuê tư vấn, phải thực hiện đầy đủ các bước theo quy định).

2.14. Về xây dựng một số định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá trong lĩnh vực văn hóa xã hội (đã được nêu tại báo cáo thẩm tra kỳ họp HĐND Thành phố thường lệ giữa năm 2023) vẫn còn chậm.

** Nguyên nhân:*

Trong thời gian qua, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao chủ động triển khai xây dựng định mức KTKT trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và gia đình. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vẫn chưa ban hành Thông tư quy định trong nhiều lĩnh vực, các đơn vị chủ yếu căn cứ trên tình hình thực tế và tham khảo một số dự thảo Thông tư hướng dẫn để xây dựng. Ngoài ra danh mục sự nghiệp công trong lĩnh vực văn hoá thể thao và gia đình mới đang được xây dựng và dự kiến trình thông qua Nghị quyết của HĐND tại kỳ họp cuối năm 2023.

** Giải pháp:*

- Ngày 6/11/2023, UBND Thành phố đã có Quyết định số 5645/QĐ-UBND ban hành kế hoạch xây dựng định mức KTKT, đơn giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, Sở VH TT đã ban hành Quyết định 1169/QĐ-SVHTT ngày 8/11/2023 ban hành kế hoạch xây dựng định mức KTKT và đơn giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, trong đó đề xuất trình định mức KTKT của 21 dịch vụ công sử dụng ngân sách trong năm 2023.

- Ngay sau khi Nghị quyết của HĐND về danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và gia đình được thông qua và ban hành, UBND Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Văn hoá và Thể thao tiếp tục trình xin kiến của các đơn vị có liên quan.

Trên đây là báo cáo bổ sung, giải trình của UBND Thành phố, kính gửi Hội đồng nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện, Thị xã;
- VP TU Hà Nội;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP; Các phòng: TH, KTTH, KGVX, ĐT;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Minh Hải